

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Đặng Ngọc Tuấn**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ  
THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN  
ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**2012 | PDF | 111 Pages  
[buihuuhanh@gmail.com](mailto:buihuuhanh@gmail.com)**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực, bảo đảm khách quan, khoa học và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2012*

**Tác giả luận văn**

**Đặng Ngọc Tuấn**

# MỤC LỤC

**Trang phụ bìa**

**Lời cam đoan**

**Mục lục**

**Danh mục các chữ viết tắt**

**Danh mục các bảng**

**Danh mục các biểu đồ**

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b> .....	5
1.1. KHÁI QUÁT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC .....	5
1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước .....	5
1.1.2. Ý nghĩa của quản lý thu ngân sách nhà nước.....	8
1.1.3. Nguyên tắc quản lý thu ngân sách nhà nước.....	10
1.1.4. Đặc điểm thu ngân sách nhà nước .....	12
1.2. NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH .....	14
1.2.1. Lập dự toán thu NSNN.....	14
1.2.2. Chấp hành dự toán thu NSNN .....	20
1.2.3. Quyết toán thu NSNN .....	22
1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ THU NSNN.....	23
1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ THU NSNN .....	25
1.4.1. Quận Hải Châu .....	25
1.4.2. Quận Thanh Khê .....	27
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ</b> .....	30
2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA QUẬN CẨM LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ THU NSNN .....	30
2.1.1. Tình hình tự nhiên ảnh hưởng đến quản lý thu NSNN .....	30

2.1.2. Tình hình xã hội .....	32
2.1.3. Đặc điểm kinh tế .....	35
2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ .....	38
2.2.1. Thực trạng công tác lập dự toán thu NSNN .....	38
2.2.2. Thực trạng công tác chấp hành thu NSNN .....	42
2.2.3. Thực trạng công tác quyết toán thu NSNN tại quận Cẩm Lệ trong thời gian qua .....	76
2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ VỀ QUẢN LÝ THU NSNN TRONG THỜI GIAN QUA .....	82
<b>CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ.....</b>	<b>85</b>
3.1. CĂN CỨ CỦA CÁC GIẢI PHÁP .....	85
3.1.1. Căn cứ nguồn lực phát triển KT-XH của quận trong thời gian tới	85
3.1.2. Xu hướng của nguồn thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ .....	88
3.1.3. Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp .....	89
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP .....	91
3.2.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán thu ngân sách.....	91
3.2.2. Hoàn thiện công tác chấp hành thu ngân sách .....	94
3.2.3. Hoàn thiện công tác quyết toán thu ngân sách.....	96
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	97
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>100</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>102</b>
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN</b>	



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AN-QP	:	An ninh - Quốc phòng
GTGT	:	Giá trị gia tăng
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
NSNN	:	Ngân sách nhà nước
SNKT	:	Sự nghiệp kinh tế
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	:	Tiêu thụ đặc biệt
UBND	:	Ủy ban nhân dân
UNT	:	Ủy nhiệm thu
QLNN	:	Quản lý nhà nước
NSDP	:	Ngân sách địa phương

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Diện tích đất tự nhiên quận Cẩm Lệ	31
2.2	Mật độ dân số trung bình quận Cẩm Lệ	32
2.3	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của quận Cẩm Lệ trong 5 năm qua (2006-2010)	33
2.4	Giá trị sản xuất các ngành kinh tế	37
2.5	Cân đối dự toán ngân sách địa phương	39
2.6	Tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương	47
2.7	Tổng hợp thu ngân sách trên địa bàn quận theo từng lĩnh vực	49
2.8	Tổng hợp thu ngân sách trên địa bàn quận theo từng sắc thuế	51
2.9	Tình hình thực hiện thu thuế môn bài từ năm 2006-2010	55
2.10	Tình hình thu thuế thu nhập doanh nghiệp	57
2.11	Tình hình khai thác tài nguyên trên địa bàn quận hàng năm (từ năm 2006 - 2010)	63
2.12	Tình hình nợ đọng thuế qua các năm	66
2.13	Tình hình thu ngân sách theo từng loại phí, lệ phí	67
2.14	Báo cáo thực hiện các biện pháp quản lý – cưỡng chế nợ	79

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

<b>Số hiệu biểu đồ</b>	<b>Tên biểu đồ</b>	<b>Trang</b>
2.1	Đồ thị về cơ cấu % diện tích đất trên địa bàn quận Cẩm Lê	31
2.2	Phát triển các nguồn thu trên địa bàn qua các năm	74

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Quận là đơn vị hành chính thuộc tỉnh, thành phố (trực thuộc Trung ương). Chức năng nhiệm vụ cơ quan nhà nước cấp quận gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Để thực hiện được những chức năng, nhiệm vụ theo qui định, chính quyền cấp quận phải có nguồn ngân sách được hình thành từ các nguồn thu để đảm bảo kinh phí hoạt động của bộ máy Nhà nước theo những nguyên tắc ổn định, bền vững. Hoạt động thu trên địa bàn cấp quận sẽ góp phần thực hiện những mục tiêu phát triển KT-XH do Đảng và Nhà nước đề ra.

Ngân sách cấp quận là một bộ phận cấu thành của NSNN, thông qua thu ngân sách, chính quyền cấp quận vừa thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chống các hành vi hoạt động kinh tế phi pháp, trốn lậu thuế và các nghĩa vụ đóng góp khác, vừa thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế trên địa bàn theo những mục tiêu chung. Thu ngân sách còn là nguồn chủ yếu để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu ở địa phương, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

Đà Nẵng là thành phố đô thị loại I, trực thuộc trung ương, quận Cẩm Lệ là quận được thành lập nằm trong chiến lược mở rộng phát triển chung của thành phố, nguồn ngân sách trên địa bàn đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển địa phương, tương xứng với công cuộc đổi mới, phát triển nguồn thu ngân sách trên địa bàn thành phố về lượng và rất đa dạng về nguồn thu. Trong tổng thu NSNN trên địa bàn thì nguồn thu ở cấp quận chiếm tỷ trọng không lớn, còn nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện các mục tiêu về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Sau 05 năm thành lập, quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng đã đạt được

những thành tựu to lớn về KT-XH, bộ mặt đô thị ngày càng đổi mới. Dưới sự lãnh đạo của Quận ủy, UBND quận ngân sách địa phương đang ngày càng vững chắc, nguồn thu ngân sách ngày càng tăng, không ngừng đảm bảo được những yêu cầu chi thiết yếu của bộ máy QLNN, các hoạt động SNKT, văn hóa-xã hội, AN-QP mà còn dành phần đáng kể cho đầu tư phát triển. Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý thu ngân sách của quận vẫn còn nhiều bất cập. Thu ngân sách vẫn chưa bao quát các nguồn thu trên địa bàn, vẫn còn tình trạng thất thu, nguồn thu ngân sách còn hạn chế, số thu chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế trên địa bàn. Chính sách cơ chế phân cấp nguồn thu chưa thật sự tạo được động lực khai thác tối đa nguồn thu... dẫn đến hiệu quả các khoản chi ngân sách chưa được cao.

Luật ngân sách sửa đổi (2002) tạo ra sự chủ động cho các cấp trong thực hiện nhiệm vụ thu, ổn định số thu và tỷ lệ điều tiết các nguồn thu. Công tác thu ngân sách ở địa phương đạt được những kết quả nhất định, số thu tương đối tập trung, đã cơ bản thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các nguồn thu vào NSNN; số thu tăng trưởng qua các năm về cơ bản đáp ứng một phần các nhiệm vụ chi ngân sách của quận. Trong điều kiện nền kinh tế còn còn khó khăn, NSNN còn hạn hẹp, việc tập trung đầy đủ và kịp thời các nguồn thu của ngân sách trên địa bàn luôn là nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần tăng ngân sách, giảm trợ cấp từ ngân sách cấp trên, dần bảo đảm cân đối thu chi, phát huy vai trò tích cực của ngân sách quận trên địa bàn.

Tăng cường quản lý thu ngân sách nhằm tìm kiếm đầy đủ và hợp lý các nguồn thu vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực tài chính mạnh mẽ cho công tác chi ngân sách có hiệu quả, cần phải tìm những giải pháp hữu hiệu trong công tác quản lý nhằm hoàn thiện việc thu ngân sách cấp quận và cũng chính là yếu tố có tính quyết định để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH của quận trong giai đoạn 2011 – 2015.

Vi vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách nhà nước quận Cẩm Lệ*” là nhằm góp phần giải quyết vấn đề cấp bách nói trên.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài**

- Hệ thống quản lý và các vấn đề liên quan đến thu ngân sách và quản lý thu ngân sách.

- Phân tích thực trạng công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ tp Đà Nẵng.

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***a/ Đối tượng nghiên cứu***

Là công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận.

### ***b/ Phạm vi nghiên cứu***

- Về mặt nội dung: (giới hạn vấn đề) các nội dung cơ bản của công tác quản lý thu ngân sách.

- Về mặt không gian: (địa bàn nghiên cứu) các nội dung trên được tiến hành nghiên cứu tại quận Cẩm Lệ.

- Về mặt không gian: các giải pháp đề xuất trên địa bàn trong vài năm tới (5-7 năm tới).

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp điều tra, khảo sát, phương pháp chuyên gia.

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp.

- Các phương pháp khác.

## **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia làm 3 chương như sau:

- **Chương 1:** Một số vấn đề lý luận về quản lý thu ngân sách nhà nước
- **Chương 2:** Thực trạng quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận

Cẩm Lệ

- **Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ.

# CHƯƠNG 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 1.1. KHÁI QUÁT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

#### 1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước

##### *Ngân sách nhà nước*

Ngân sách nhà nước (NSNN) là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử; là một thành phần trong hệ thống tài chính. Thuật ngữ "Ngân sách nhà nước" được sử dụng rộng rãi trong đời sống kinh tế, xã hội ở mọi quốc gia. Song quan niệm về ngân sách nhà nước lại chưa thống nhất, người ta đã đưa ra nhiều định nghĩa về ngân sách nhà nước tùy theo các trường phái và các lĩnh vực nghiên cứu. Luật Ngân sách Nhà nước của Việt Nam đã được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 16/12/2002 định nghĩa: Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước [1, tr.5].

NSNN gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách trung ương là ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân [1, tr.6].

NSNN có thể hiểu là một kế hoạch tài chính quốc gia bao gồm chủ yếu các khoản thu và chi của Nhà nước được mô tả dưới hình thức cân đối bằng giá trị tiền tệ. Phần thu thể hiện các nguồn tài chính được huy động vào NSNN; phần chi thể hiện chính sách phân phối các nguồn tài chính đã huy



động được để thực hiện mục tiêu KT-XH. NSNN được lập và thực hiện cho một thời gian nhất định, thường là một năm và được Quốc hội phê chuẩn thông qua.

NSNN là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Quỹ này thể hiện lượng tiền huy động từ thu nhập quốc dân để đáp ứng cho các khoản chi tiêu của Nhà nước, có hai mặt đó là: mặt tĩnh và mặt động. Mặt tĩnh thể hiện các nguồn tài chính được tập trung vào NSNN mà chúng ta có thể xác định được vào bất kỳ thời điểm nào. Mặt động thể hiện các quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị gắn liền với quỹ tiền tệ tập trung vào NSNN và từ NSNN phân bổ các nguồn tài chính cho các ngành, các lĩnh vực, các địa phương của nền kinh tế quốc dân [6, tr.9].

NSNN là một phạm trù kinh tế tài chính, được coi là một hệ thống quan hệ kinh tế tồn tại khách quan. Hệ thống các quan hệ kinh tế này được đặc trưng bởi quan hệ tiền tệ phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính và bằng các quan hệ kinh tế đó mà quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước được tạo lập và sử dụng. Hệ thống các quan hệ kinh tế này bao gồm:

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với khu vực doanh nghiệp.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các tầng lớp dân cư.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với thị trường tài chính.

Như vậy đằng sau hình thức biểu hiện bên ngoài của NSNN là một loại quỹ tiền tệ của Nhà nước với các khoản thu và các khoản chi của nó thì NSNN lại phản ánh các quan hệ kinh tế trong quá trình phân phối, thể hiện các quan hệ phân phối và các quan hệ lợi ích kinh tế gắn với một chủ thể đặc biệt, đó là Nhà nước nhằm tạo lập và sử dụng nguồn tài chính quốc gia để giải quyết các nhiệm vụ về KT-XH.

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, hệ thống NSNN được tổ chức phù

hợp với hệ thống đặc thù của tổ chức bộ máy QLHC Nhà nước đó. Ở nước ta bộ máy QLHC Nhà nước được tổ chức theo 4 cấp:

- Trung ương.
- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
- Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
- Xã, phường, thị trấn.

Mỗi cấp chính quyền đều phải có ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng quản lý của cấp chính quyền đó.

#### ***Thu ngân sách nhà nước***

Thu NSNN là việc Nhà nước dùng các quyền lực có được của mình để phân phối một bộ phận của cái xã hội dưới hình thức tiền tệ về tay mình, hình thành lên quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Hay có thể nói thu NSNN bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí, các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và các khoản do Nhà nước vay để bù đắp bội chi ngân sách đều được dựa vào thu ngân sách.

Thu NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính quốc gia giữa Nhà nước với các chủ thể trong xã hội. Sự phân phối đó là một tất yếu khách quan, xuất phát từ yêu cầu tồn tại và phát triển của bộ máy nhà nước cũng như yêu cầu thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của Nhà nước [16, tr.31].

#### ***Quản lý thu ngân sách nhà nước***

Quản lý thu NSNN là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ chính sách, pháp luật để tiến hành quản lý các khoản thu NSNN nhằm đảm bảo tính công bằng và có hiệu quả. Đây là khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho

đối tượng nộp ngân sách. Phần lớn các khoản thu NSNN đều mang tính chất cưỡng bức, bắt buộc mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phải tuân thủ thực hiện.

### **1.1.2. Ý nghĩa của quản lý thu ngân sách nhà nước**

#### ***\* Ý nghĩa của thu ngân sách Nhà nước***

Thu NSNN giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống tài chính và quyết định sự phát triển của nền KT-XH. Việc thu NSNN như thế nào là một yếu tố đánh giá hiệu quả công tác điều hành, lãnh đạo của Nhà nước. Có ý nghĩa to lớn như sau [22, tr.51]:

- Thu NSNN nhằm đảm bảo nguồn tài chính để nhu cầu chi tiêu của Nhà nước được đảm bảo. Đó là ý nghĩa quan trọng của thu NSNN trong mọi mô hình kinh tế. Nó gắn chặt với các chi phí của Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, điều tiết kinh tế vĩ mô, nó ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, giá cả, quan hệ cung cầu, cơ cấu đầu tư và đến sự phát triển hoặc suy thoái của một nền kinh tế. Điều này đòi hỏi phải huy động một tỷ lệ thu tương đối cao đối với một số ngành có điều kiện thuận lợi trong những thời kỳ nhất định và đưa ra một chính sách tương đối thấp đối với những ngành kém thuận lợi nhằm tạo cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế. Góp phần điều chỉnh giá cả, quan hệ cung cầu và hướng dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn vào đầu tư theo đúng định hướng của nhà nước và góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế.

Nhà nước sử dụng thu NSNN như là công cụ tài chính để kiềm chế lạm phát, ổn định thị trường, cũng như giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn về bất ổn định KT-XH. Đòi hỏi thu NSNN phải có kế hoạch cụ thể để Nhà nước thực hiện các chính sách tài khóa phù hợp (nới lỏng hay thắt chặt) kích thích sản xuất, kích cầu để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội.

- Góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững. Trong KTTT sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng trong xã hội, tạo ra sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn định. Do đó nếu để KTTT tự điều chỉnh mà không có vai trò của Nhà nước thì sẽ phát triển thiếu bền vững. Mặt khác, thực tế sự phát triển của một đất nước là kết quả nỗ lực của cả một cộng đồng, sẽ không công bằng nếu không chia sẻ thành quả phát triển kinh tế cho mọi người. Bởi vậy, cần có sự can thiệp của nhà nước vào quá trình phân phối thu nhập, sự can thiệp này đặc biệt hiệu quả bằng cách sử dụng các nguồn thu ngân sách, đặc biệt công cụ thuế, với các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập... theo hướng đánh thuế cao vào những hàng hóa dịch vụ cao cấp, người có thu nhập cao nhằm điều tiết bớt thu nhập của các doanh nghiệp, cá nhân có thu nhập cao. Đồng thời đánh thuế thấp vào những hàng hóa dịch vụ cần thiết cho đại bộ phận dân chúng. Đây là mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế thị trường mà chính sách thu NSNN của chính phủ phải giải quyết.

Thông qua việc thu NSNN, Nhà nước sử dụng thông qua công cụ chính sách tài khóa và chi tiêu công để phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, cung cấp hàng hóa dịch vụ công cho xã hội, chú ý phát triển cân đối giữa các vùng, miền đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

***\* Ý nghĩa của quản lý thu ngân sách nhà nước***

Công tác quản lý thu ngân sách có ý nghĩa rất lớn trong công tác điều hành của Nhà nước, góp phần nâng cao trách nhiệm của Nhà nước để kiểm soát, điều tiết các hoạt động SXKD của mọi thành phần kinh tế, kiểm soát thu nhập của mọi tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm động viên sự đóng góp đảm bảo công bằng, hợp lý. Các nhà nước trong lịch sử đều dựa trên công cụ này để ổn định và phát triển nền kinh tế, chống lại các hành vi kinh doanh phạm pháp.

Quản lý thu ngân sách góp phần tạo môi trường bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong quá trình SXKD. Với hình thức thu và mức thu thích hợp kèm với các chế độ miễn giảm công bằng, thu NSNN có tác động trực tiếp đến quá trình SXKD của cơ sở. Với sự tác động quản lý thu ngân sách sẽ góp phần tạo nên môi trường kinh tế thuận lợi đối với quá trình SXKD. Đồng thời nó là công cụ quan trọng góp phần thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động SXKD của xã hội [12, tr.37].

Quản lý thu NSNN giúp nhà nước khai thác, phát hiện, tính toán chính xác các nguồn tài chính của đất nước để có thể động viên được và cũng đồng thời không ngừng hoàn thiện các chính sách, các chế độ thu để có cơ chế tổ chức quản lý hợp lý. Đây là một nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước trong quá trình tổ chức QLKT.

Tạo nên sự cân bằng của nền kinh tế, nó tác động đến sản lượng và sản lượng tiềm năng. Việc tăng mức thuế quá mức thường dẫn tới giảm sản lượng trong nền kinh tế, tức là thu hẹp quy mô của nền kinh tế. Ngược lại, giảm mức thuế chung có xu thế làm tăng sản lượng cân bằng. Trong nền KTTT, người ta sử dụng tính chất này để điều chỉnh quy mô sản lượng của nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

### **1.1.3. Nguyên tắc quản lý thu ngân sách nhà nước**

Quản lý thu ngân sách nhà nước phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan với nhà nước, đồng thời thể hiện quyền lực của nhà nước đối với nghĩa vụ của mọi thành phần kinh tế. Như vậy vừa mang tính cưỡng chế, vừa thể hiện tự do hóa việc thu ngân sách theo nguyên tắc [22, tr.61]:

#### **\* Ổn định và lâu dài**

- Trong những điều kiện hoạt động bình thường thì phải cần ổn định

mức thu, ổn định các sắc thuế, phí... không được gây xáo trộn lớn trong hệ thống quy định pháp luật; đồng thời tỷ lệ động viên của nhà nước phải thích hợp, đảm bảo kích thích nền kinh tế tăng trưởng, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

- Để thực hiện được nguyên tắc này đòi hỏi phải có sự lựa chọn đối tượng, phương pháp tính sao cho đối tượng đó ít có sự biến động.

- Ý nghĩa: Thuận lợi cho việc kế hoạch hóa NSNN. Tạo điều kiện để kích thích mọi thành phần kinh tế, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

**\* *Đảm bảo tính công bằng***

- Việc thiết lập hệ thống thu phải có quan điểm công bằng đối với mọi thành phần trong xã hội, không phân biệt địa vị xã hội, thành phần kinh tế. Việc thiết kế hệ thống thu chủ yếu dựa trên khả năng thu nhập của đối tượng sử dụng.

**\* *Rõ ràng, chắc chắn***

- Trong thiết kế hệ thống thu các điều luật phải rõ ràng, cụ thể ở từng mức thu, cơ sở thu... để tránh tình trạng lách luật, trốn thuế. Hơn nữa việc sửa chữa, bổ sung các điều khoản trong luật không phải lúc nào cũng thực hiện được, cho nên các điều khoản trong luật phải bao quát và phù hợp với các hoạt động của nền kinh tế xã hội.

- Đảm bảo được nguyên tắc này giúp cho việc tổ chức chấp hành luật thống nhất, tránh được tình trạng lách luật, trốn thuế.

**\* *Đơn giản***

- Cần hạn chế số lượng danh mục thu ngân sách, xác định rõ mục tiêu chính, không đề ra quá nhiều mục tiêu trong một lĩnh vực, danh mục thu. Có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai luật đi vào thực tiễn, tránh được những tiêu cực trong quá trình thực hiện thu ngân sách nhà nước.

#### **1.1.4. Đặc điểm thu ngân sách nhà nước**

Với đặc điểm thu ngân sách của mỗi cấp chính quyền được phân chia cho phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước, các nguồn thu trên địa bàn tùy theo đặc điểm qui mô mà phân cấp nhiệm vụ thu cho phù hợp. Xét ở cấp độ quy mô ở cấp quận, huyện. nhiệm vụ thu cấp quận, huyện thực hiện thu theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp thành phố đối với các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn, phần lớn là các khoản thu có qui mô nhỏ, lẻ. Bên cạnh đó một số nội dung thu do cấp quận, huyện đảm nhận song khoản thu lại điều tiết về ngân sách cấp trên. Với đặc điểm trên nên ngân sách quận, huyện thường là không tự cân đối được, phải nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Chính quyền cấp quận, huyện là cấp chính quyền trung gian nổi trội (thành phố) với xã (phường). Do đó chính quyền cấp quận, huyện không chỉ đơn thuần thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh (thành phố) mà còn có những định hướng riêng phù hợp với tình hình thực tế của quận, huyện trong khuôn khổ của pháp luật. Do vậy cấp quận, huyện cần có ngân sách riêng để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, nó là công cụ quan trọng của chính quyền trong việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn [20].

Khi xem xét ngân sách quận, huyện không được tách rời khỏi NSNN cấp trên cũng không được coi ngân sách quận, huyện là một yếu tố thụ động trong hệ thống ngân sách mà nó phải gắn liền với hệ thống ngân sách.

Do thực hiện theo tinh thần của nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước, chỉ phân cấp cho quận, huyện các nội dung thu nhỏ, lẻ. Mặt khác một số nguồn thu thuộc cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý nhà nước như các khoản thu gắn với nguồn tài nguyên, đất đai lại thuộc về ngân sách cấp trên.

Trong phân cấp quản lý ngân sách là tạo sự chủ động cấp cơ sở, sử dụng nguồn thu tại chỗ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi. Song hầu hết các nhiệm vụ chi

trên địa bàn thuộc về ngân sách cấp quận, huyện mà những khoản thu có tính chất qui mô lớn, khoản thu được hưởng lại thuộc về ngân sách tỉnh (thành phố). Nên hầu hết ngân sách cấp quận (huyện) đều thu không đủ chi mà phải nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Một bộ phận thu quan trọng của ngân sách cấp quận, huyện chiếm tỷ trọng trong cơ cấu thu là khoản thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, thành phố. Trong khi một nguồn thu đáng kể trên địa bàn quận, huyện lại thuộc về ngân sách cấp tỉnh như thu tiền sử dụng đất, thu từ các doanh nghiệp tư nhân có qui mô lớn, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập cá nhân....

*Các mối quan hệ trong hệ thống ngân sách quận, huyện*

Sự vận động của các nguồn tài chính vào ngân sách và từ ngân sách quận, huyện đến các mục đích sử dụng khác nhau chứa đựng các mối quan hệ sau:

*Thứ nhất*, quan hệ giữa chính quyền cấp quận, huyện với các cấp chính quyền cấp trên thể hiện trong việc xác định các nguồn thu cho ngân sách cấp quận, huyện và thể hiện trong sự hỗ trợ bổ sung ngân sách từ cấp trên cho ngân sách quận, huyện.

*Thứ hai*, quan hệ giữa chính quyền Nhà nước với nhân dân trong quận.

*Thứ ba*, là quan hệ giữa chính quyền với các tổ chức kinh tế trên địa bàn.

*Thứ tư*, là quan hệ giữa chính quyền với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

*Thứ năm*, là quan hệ giữa cấp chính quyền với tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị, xã hội khác trong việc hình thành và sử dụng quỹ ngân sách.

Các mối quan hệ này đã phản ánh các nội dung thu và chi của ngân sách. Nó phản ánh những mối quan hệ với một bên là cấp chính quyền, bên kia là các chủ thể khác thông qua sự vận động của các nguồn thu tài chính nhằm đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương [12].



## **1.2. NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH**

Quản lý thu ngân sách được tiến hành bắt đầu từ việc quản lý việc lập dự toán thu ngân sách, sau đó là quản lý, tổ chức thực hiện dự toán thu và cuối cùng là quyết toán thu ngân sách.

### **1.2.1. Lập dự toán thu NSNN**

Lập dự toán thu ngân sách là quá trình Nhà nước thiết lập mục tiêu thu ngân sách và đưa ra kế hoạch thực tiễn đối với mục tiêu đã đặt ra. Với quá trình này đòi hỏi phải đưa vào đó sự cân nhắc không chỉ là đề ra các khoản thu mà còn làm thế nào cho hợp lý giữa việc thu và chi ngân sách đã dự toán và những nguồn chi phát sinh khác có thể tác động tới mức thu mong muốn đạt được vào thời điểm đó [1, tr.23].

Quá trình lập dự toán thu ngân sách luôn theo một trình tự nhất định, luôn có sự phối chặt chẽ giữa các cơ quan với nhau (Thuế - Hải quan - Kho bạc Nhà nước, Tài chính, Kế hoạch và cơ quan thu theo chức năng).

Công tác lập dự toán thu ngân sách nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách cho các hoạt động của Nhà nước trong tương lai. Lập dự toán thu ngân sách thúc đẩy các cấp quản lý trao đổi với nhau về các chính sách và mục tiêu để đạt được kế hoạch đề ra. Điều này giúp củng cố tính tập thể, mọi người thực hiện vì sự phát triển của Nhà nước.

Công tác lập dự toán thu ngân sách là quá trình thực hiện xây dựng thẩm quyền thu theo từng lĩnh vực thu có sự phân cấp rõ ràng. Cơ quan cấp dưới thực hiện đánh giá khả năng thu và mức độ phù hợp hay bất hợp lý trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thu NSNN tại địa phương, nhiệm vụ của cơ quan thu là xây dựng kế hoạch, tính toán và thực hiện dự toán thu NSNN được giao của một thời kỳ dựa trên các quy định được thông qua, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất, thiết thực với thực tế và khả năng tại địa phương [6, tr.52].

Theo quy định của luật ngân sách nhà nước, hàng năm theo sự chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các địa phương tổ chức lập dự toán ngân sách của mình phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng – an ninh của từng địa phương. Đây cũng là khó khăn rất lớn trong công tác lập dự toán để đảm bảo được kế hoạch trong năm.

**\* *Lập dự toán thu thuế***

Như chúng ta đã biết, thuế là nguồn thu chính chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng trong tổng thu NSNN. Đồng thời thuế cũng là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Do vậy khâu lập dự toán thu thuế là rất quan trọng trong quản lý thu NSNN [4, tr.24].

Thuế không chỉ đơn thuần là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước mà thuế còn gắn liền với các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế, về sự công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu các vấn đề của tài chính và ngân sách nhà nước, chúng ta xem xét thuế với các vai trò cơ bản của nó là tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, kích thích tăng trưởng kinh tế và điều chỉnh thu nhập.

Nhà nước sử dụng công cụ thuế để điều tiết sản xuất và thị trường nhằm xác lập một cơ cấu kinh tế hợp lý. Với một số ngành kinh doanh lại có điều kiện thuận lợi và một ngành tương đối thấp mang lại thuận lợi thấp cũng ảnh hưởng đến việc tạo ra môi trường không đồng đều. Do đó việc phân biệt thuế suất đối với từng loại sản phẩm, ngành hàng đã góp phần điều chỉnh giá cả, quan hệ cung cầu và hướng dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn vào đầu tư những sản phẩm, ngành hàng theo đúng định hướng của nhà nước và việc ưu đãi thuế đối với một số mặt hàng, ngành nghề cũng góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế.

Trên cơ sở xây dựng dự toán thu hàng năm, cơ quan thuế được giao nhiệm vụ xây dựng dự toán thu, thực hiện và quyết toán hàng năm trong lĩnh vực thuế tại địa phương. xác định hợp lý các đối tượng chịu thuế, thuế suất và chế độ miễn giảm... đảm bảo được khả năng cân đối và nhiệm vụ kinh tế trong năm.

Với các sắc thuế như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập... theo hướng thuế đánh cao vào những hàng hóa dịch vụ cao cấp, người có thu nhập cao nhằm điều tiết bớt thu nhập của các doanh nghiệp, cá nhân có thu nhập cao. Đồng thời thuế đánh thấp vào những hàng hóa dịch vụ cần thiết cho đại bộ phận dân chúng. (Ví dụ: thuế tiêu thụ đặc biệt thuế suất 75% đối với rượu từ 40<sup>0</sup>C trở lên, thuế suất 15% đối với rượu thuốc. Bia chai, bia hộp, bia tươi thuế suất 75% trong khi bia hơi thuế suất là 30%...). Như vậy, việc qui định về đối tượng chịu thuế, thuế suất từng ngành hàng như trên bên ngoài như là một sự cưỡng chế nhưng bên trong nhằm điều chỉnh những quan hệ xã hội nhất định [9, tr.7].

Với những biểu thuế có thuế suất cao, thấp tạo ra sự hạn chế về phát triển hàng hóa, những nhà doanh nghiệp cũng không thể suốt đời phục vụ cho mục đích tăng trưởng kinh tế nếu thu nhập của họ bị chia xẻ một cách vô lý. Đây là mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế thị trường mà chính sách thuế của chính phủ phải giải quyết. Thực ra, vẫn có một mối quan hệ phụ thuộc để tồn tại giữa nhà kinh doanh và người lao động. Tức là, có một giới hạn phân phối lại mà ở đó độ nhạy cảm về tăng trưởng bị hạn chế, các nhà kinh doanh sẵn sàng đóng góp một phần thu nhập cho xã hội mà không làm suy giảm sự tăng trưởng của họ. Chính sách thuế phải xác định được khung giới hạn đó thông qua phản ứng của doanh nghiệp đối với thuế suất từng loại thuế và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

**\* *Lập dự toán thu phí, lệ phí***

Như chúng ta đã biết nhu cầu của con người về dịch vụ công cộng như cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục, môi trường pháp luật... ngày càng tăng cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, tuy nhiên nếu chỉ thu thuế thì chính phủ không đủ nguồn tài trợ cho nhiều hoạt động vốn rất đa dạng của mình và cũng không thể buộc người dân sử dụng hàng hóa và dịch vụ công theo cách thức có hiệu quả. Do vậy, Nhà nước thu phí và lệ phí đối với một số dịch vụ công cộng nhất định nhằm góp phần tăng thêm nguồn thu cho NSNN để đầu tư cung cấp dịch vụ công cộng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Phí, lệ phí là khoản tiền mà các tổ chức và cá nhân phải trả cho một cơ quan nhà nước khi nhận được dịch vụ do cơ quan này cung cấp. Trong hoạt động xã hội, nhiều tổ chức thuộc bộ máy công quyền cung cấp ra bên ngoài nhiều dịch vụ. Chúng cần thiết phải thu tiền của đối tượng thụ hưởng để bù đắp chi phí hoạt động. Phí, lệ phí chính là số tiền đó [1, tr.42].

Phí, lệ phí không phải là giá cả của dịch vụ công mà chỉ là động viên một phần thu nhập của người thụ hưởng nhằm thực hiện công bằng trong tiêu thụ dịch vụ công.

Mọi khoản phí, lệ phí đều phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Theo quy định hiện hành tại Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định 57/2002/NĐ-CP của Chính phủ thì chính phủ quy định chi tiết danh mục phí, lệ phí đồng thời với việc quy định nguyên tắc xác định mức thu phí và lệ phí. Đối với một số khoản thu phí, lệ phí quan trọng, chính phủ trực tiếp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và chế độ quản lý. Đối với những khoản còn lại, chính phủ giao hoặc phân quyền quy định mức thu, chế độ thu, nộp và chế độ quản lý cho cấp Bộ và tương đương. Căn cứ vào quy định chi tiết của Chính phủ, Bộ Tài chính quy định mức thu cụ thể đối với từng loại phí, lệ phí,

hướng dẫn mức thu cho các cơ quan được phân cấp quy định mức thu. HĐND Tỉnh quyết định thu phí, lệ phí được phân cấp. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tự đặt ra các loại phí, sửa đổi mức thu phí đã được cơ quan có thẩm quyền quy định, thu phí trái với quy định của pháp luật.

Cũng như thuế, hàng năm cơ quan kế hoạch giao chỉ tiêu cho các đơn vị có thu phí theo từng ngành, lĩnh vực và trên cơ sở đó, các đơn vị phân bổ và thực hiện việc thu trong năm.

***\* Lập dự toán thu bổ sung từ cấp trên, cấp dưới***

Ngoài những nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí, việc lập dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (hoặc ngược lại) để bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Tùy theo tính chất của từng vùng mà có những định mức hưởng khác nhau, thể hiện thông qua việc phân chia tỷ lệ hưởng phần trăm giữa các vùng địa phương, thể hiện dưới 3 hình thức [1]:

- Thu bổ sung cân đối: Trên cơ sở địa phương tự cân đối khả năng thu ngân sách để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa bàn, ngân sách cấp trên đảm bảo một phần kinh phí nhằm đảm bảo hoạt động quản lý của cấp dưới.

- Thu bổ sung có mục tiêu: Nhằm thực hiện những nhiệm vụ được cấp trên giao hàng năm thông qua dự toán giao đầu năm, hoặc thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất tại địa phương được cấp trên giao phó.

- Thu bổ sung từ cấp dưới: là hình thức thu ủy quyền cho ngân sách cấp dưới thu nộp lên, hoặc phân chia tỉ lệ hưởng phần trăm trên mức thu của cấp dưới.

Ngoài ra, công tác thu này còn là ý chí thực hiện một số nhiệm vụ của cấp trên giao phó thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của nhà nước.

**\* Lập dự toán thu khác**

Mặt dù các nguồn thu khác không là nguồn thu chính, nhưng thu khác đã đóng góp một phần không thể thiếu trong hoạt động quản lý bộ máy, công tác lập dự toán nguồn thu này nhằm bổ sung một phần cho nhu cầu tăng nguồn thu NSNN ngoài thuế, qua đó phát triển thể mạnh ở địa phương, các nguồn thu khác như: các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, thu từ các hoạt động sự nghiệp, thu từ bán hoặc cho thuê tài nguyên, tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, thu từ vay nợ và viện trợ không hoàn trả lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, từ đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và thu từ phạt, tịch thu, tịch biên lai tài sản... để công tác thu khác được đảm bảo đòi hỏi công tác hoạch định cần nhạy bén, sử dụng nhiều lợi thế tại địa bàn và phối hợp đồng bộ với cơ quan sử dụng tốt ưu thế chức trách của mình [21, tr.68].

Để quản lý và điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội, chính phủ các quốc gia đều tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh tế - xã hội ở mức độ nhất định như đầu tư, tài trợ, góp vốn... Việc Nhà nước tham gia vào các hoạt động kinh tế nhất định đã tạo ra các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước như thu từ lợi tức góp vốn cổ phần của Nhà nước, thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư vào các cơ sở kinh tế.

Tài nguyên quốc gia như đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên trong lòng đất, nguồn nước, nguồn lợi vùng biển, thềm lục địa, vùng trời và vốn, tài sản của Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp, các ngành các lĩnh vực kinh tế - xã hội là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước. Tuỳ thuộc vào thực trạng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ cụ thể, Nhà nước có thể bán hoặc cho thuê những tài nguyên công sản nhất định cho các chủ thể ở trong nước hoặc ngoài nước. Tiền bán hoặc cho thuê tài nguyên công sản quốc gia như tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước, tiền bán tài

nguyên... là khoản thu của NSNN.

Ngoài các khoản thu trên, thu NSNN còn bao gồm các khoản đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức ở trong nước và ngoài nước; các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền, hiện vật của chính phủ các nước; các tổ chức cá nhân ở nước ngoài; các khoản đóng góp tự nguyện khác theo quy định của pháp luật. Các khoản thu này phát sinh không thường xuyên và không lớn, nhưng có tính chất không hoàn trả, nên chúng có tác dụng quan trọng bổ sung tăng cường thêm nguồn tài chính cho NSNN [1].

Các khoản thu phạt trên các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, phạt vi phạm hành chính...

Các khoản thu khác của NSNN nói trên trong thời gian qua về chính sách huy động điều tiết đối với nội dung thu này còn những hạn chế bất cập, cụ thể như mức huy động quá thấp trên một số lĩnh vực, chính sách còn chưa nhất quán chưa gắn giữa việc điều tiết trên lĩnh vực này với mức huy động vào ngân sách, địa phương chưa quan tâm đúng mức trong khai thác nguồn thu gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn.

### **1.2.2. Chấp hành dự toán thu NSNN**

Chấp hành dự toán thu NSNN là khâu tiếp theo khâu lập dự toán trong chu trình ngân sách: đó là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế - tài chính và hành chính nhằm biến các chỉ tiêu được ghi trong kế hoạch ngân sách năm trở thành hiện thực. Chấp hành dự toán thu ngân là việc thực hiện các khoản thu có trong dự toán đã được duyệt [1, tr.29].

Trên cơ sở đó việc đảm bảo phân cấp nguồn thu cho các cấp và địa phương, việc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối (nếu có) từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thể hiện rõ và ổn định trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách mới; tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu

trong cân đối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo nguyên tắc thu chi của nhà nước.

Dựa trên quyết định giao dự toán thu NSNN làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thu NSNN tại địa phương đó, nhiệm vụ của cơ quan thu là tính toán và thực hiện dự toán thu NSNN được giao của một thời kỳ dựa trên các quy định đã ban hành, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất, thiết thực với thực tế và khả năng hiện có tại địa phương.

Với quyền lực của mình, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để quản lý thực hiện thu ngân sách như: *Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật NSNN; Thông tư số 128/2008/TT-BTC hướng dẫn thu và quản lý thu ngân sách nhà nước (NSNN) qua Kho bạc Nhà nước...* và giao cho UBND các cấp phải tổ chức các hoạt động để quản lý nguồn thu - chi nhân sách như: tập huấn, đối thoại với doanh nghiệp... từ đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ thu thuế.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định của pháp luật. Phân định rõ trách nhiệm của từng đơn vị chuyên môn thực hiện và phải phân định rõ các khoản thu được thực hiện.

Cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan khác được Chính phủ, Bộ Tài chính giao nhiệm vụ tổ chức thu NSNN có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước (KBNN) tổ chức thu và quản lý các khoản thu NSNN, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đối tượng thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN đầy đủ, kịp thời. Các khoản thu NSNN đều được nộp qua ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại KBNN, trường hợp tại các địa bàn có khó khăn trong việc nộp qua



ngân hàng hoặc nộp tại KBNN thì cơ quan thu được trực tiếp thu, hoặc uỷ nhiệm cho tổ chức, cá nhân thu tiền mặt từ người nộp, sau đó phải nộp đầy đủ, kịp thời vào KBNN theo quy định.

Các khoản thu NSNN được phân chia cho ngân sách các cấp theo đúng tỷ lệ phần trăm (%) do Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Các khoản thu không đúng chế độ phải được hoàn trả cho đối tượng nộp. Các khoản thu đã tập trung vào NSNN nhưng được miễn giảm hoặc hoàn trả, thì KBNN hoàn trả cho các đối tượng nộp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **1.2.3. Quyết toán thu NSNN**

Quyết toán thu ngân sách là khâu cuối cùng của một chu trình ngân sách. Là quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát các đơn vị có thu ngân sách nhà nước sau khi các đơn vị này thực hiện các biện pháp thu ngân sách và phân bổ sử dụng các khoản thu đó vào hoạt động quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương đó [1, tr.32].

Quyết toán thu ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật, hoặc giao cho đơn vị cấp dưới thực hiện. Các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng toàn bộ hoặc một phần kinh phí ngân sách Nhà nước đều phải thực hiện công tác kiểm tra các khoản thu ngân sách, thu hoạt động của đơn vị.

Hàng năm, việc theo dõi, kiểm tra, kiểm toán việc thu ngân sách được diễn ra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan có thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân. Qua đó, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số phải nộp ngân sách, vô tình hoặc cố tình để ngoài sổ sách quản lý... để

có các biện pháp chấn chỉnh; đồng thời, tổ chức thu triệt để các khoản nợ đọng có khả năng thu hồi, số tiền phát hiện, ghi thu theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

Công tác thanh tra kiểm tra được phân chia thẩm quyền cụ thể có giới hạn về thời gian và không gian, một số cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực ngành như các cơ quan cấp trên thực hiện thanh tra kiểm tra đơn vị cấp dưới trong phạm vi lĩnh vực của mình quản lý như lĩnh vực tư pháp, tài nguyên môi trường, quản lý đô thị, tài chính, Chi cục thuế... và một số đơn vị có thẩm quyền kiểm tra không giới hạn về các lĩnh vực như cơ quan Tài chính, thanh tra, kiểm toán...

Nội dung kiểm tra, kiểm toán tập trung vào các vấn đề đơn vị thu có thực hiện đúng theo quy định pháp luật, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định. Xử lý, nộp và phản ánh đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định các khoản tạm thu, tạm giữ, các khoản vay nợ, viện trợ; các khoản thuế đã được kê khai, các khoản chậm nộp; các khoản thuế ẩn lậu được thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị. Nghiêm cấm việc để các khoản thu ngoài ngân sách nhà nước trái với quy định. Bên cạnh đó, cần tăng cường phối hợp với các ngành khác trong công tác chống gian lận thương mại, chống thất thu và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước, kiểm tra, xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm pháp luật...

### **1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ THU NSNN**

Quản lý thu ngân sách là hoạt động quản lý nhà nước trên lĩnh vực tài chính ngân sách. Quá trình quản lý thu ngân sách thường bị chi phối bởi các nhân tố sau [21]:

**Thứ nhất**, nhân tố về thể chế tài chính. Thể chế tài chính quy định

phạm vi, đối tượng thu của các cấp chính quyền; quy định, chế định việc phân công, phân cấp nhiệm vụ thu, quản lý thu của các cấp chính quyền; quy định quy trình, nội dung lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Quy định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý thu ngân sách, sử dụng quỹ ngân sách. Thể chế tài chính quy định, chế định những nguyên tắc, chế độ, định mức chi tiêu. Do vậy, nói đến nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách trước hết phải nói đến thể chế tài chính. Vì nó chính là những văn bản của Nhà nước có tính quy phạm pháp luật chi phối mọi quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý thu ngân sách. Thực tế cho thấy nhân tố về thể chế tài chính có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quản lý thu ngân sách trên một lãnh thổ địa bàn nhất định, do vậy đòi hỏi phải ban hành những thể chế tài chính đúng đắn phù hợp mới tạo điều kiện cho công tác nói trên đạt được hiệu quả.

**Thứ hai**, nhân tố về bộ máy và cán bộ. Khi nói đến cơ cấu tổ chức một bộ máy quản lý thu ngân sách người ta thường đề cập đến quy mô nhân sự của nó và trong sự thiết lập ấy chính là cơ cấu tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý thu ngân sách và các mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các bộ phận trong quá trình thực hiện chức năng này. Hay nói cách khác, điều quan trọng hơn cả là phải thiết lập cụ thể rõ ràng, thông suốt các “mối quan hệ ngang” và các “mối quan hệ dọc”. Sự thiết lập ấy được biểu hiện thông qua qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp, các bộ phận trong tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý thu ngân sách. Quy định chức năng nhiệm vụ của bộ máy và cán bộ quản lý thu theo chức năng trách nhiệm quyền hạn giữa bộ phận này với bộ phận khác, giữa cấp trên với cấp dưới trong quá trình phân công phân cấp quản lý đó. Nếu việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền các cấp không rõ ràng, cụ thể thì dễ xảy ra tình trạng hoặc thiếu trách nhiệm, hoặc lạm quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ

quản lý thu ngân sách. Nếu bộ máy và cán bộ năng lực trình độ thấp thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thu ngân sách. Do đó tổ chức bộ máy và cán bộ là nhân tố rất quan trọng trong quá trình tổ chức quản lý thu ngân sách.

**Thứ ba,** nhân tố về trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập. Việc quản lý thu ngân sách luôn chịu ảnh hưởng của nhân tố về trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập của người dân trên địa bàn. Khi trình độ kinh tế phát triển và mức thu nhập bình quân của người dân tăng lên, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn ngân sách và sử dụng có hiệu quả, mà nó còn đòi hỏi các chính sách, chế độ, định mức kinh tế - tài chính, mức chi tiêu phải thay đổi phù hợp với sự phát triển kinh tế và mức thu nhập, mức sống của người dân. Do đó, ở nước ta cũng như các nước trên thế giới, người ta luôn quan tâm chú trọng đến nhân tố này, trong quá trình quản lý hoạch định của chính sách thu NSNN.

Thực tế cho thấy, khi trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập bình quân trên địa bàn còn thấp cũng như ý thức về sử dụng các khoản chi chưa được đúng mức còn có tư tưởng ỷ lại Nhà nước thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thu NSNN. Khi chúng ta thực hiện tốt những vấn đề thu ngân sách trong đó có nhiều nhân tố tác động nhưng trình độ mức sống của người dân ngày càng nâng cao thì việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước có thể rất dễ dàng. Trường hợp nếu trình độ và mức sống còn thấp thì việc thu thuế cũng rất khó khăn.

## **1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ THU NSNN**

### **1.4.1. Quận Hải Châu**

Quận Hải Châu, là quận trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hoá và là địa bàn trọng điểm về an ninh, quốc phòng của thành phố Đà Nẵng, hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn quận Hải Châu đã phát triển nhanh, với sự tham gia nhiều thành phần kinh tế làm cho thị trường thêm đa

dạng, phong phú; hàng hóa lưu thông tăng nhanh về số lượng và chủng loại đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của xã hội; phương thức kinh doanh đa dạng; ngày càng xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh văn minh, hiện đại và một số loại hình dịch vụ mới như các dịch vụ kỹ thuật tài chính - tín dụng, khoa học - công nghệ, dịch vụ công cộng... từng bước thể hiện trung tâm cung ứng các dịch vụ tài chính cho kinh tế thành phố.

Công tác quản lý thu thuế, phí và lệ phí được thực hiện trên cơ sở đề án ủy nhiệm thu được UBND thành phố phê duyệt, Chi cục thuế Hải Châu thực hiện quản lý thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đối với các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh có doanh thu lớn, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu cấp quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ; cấp xã, phường tổ chức thu thuế nhà đất, môn bài từ bậc 4 đến bậc 6, thuế công thương nghiệp đối với hộ kinh doanh nhỏ, người trực tiếp thực hiện ủy nhiệm thu và phường được trích tỷ lệ hoa hồng ủy nhiệm thu từ kinh phí của Chi cục thuế.

Thực hiện nghiêm túc việc công khai ngân sách các cấp, nhất là các quỹ của tổ chức, nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cũng như tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách được thực hiện ổn định trong 5 năm đã từng bước nâng cao được tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong điều hành ngân sách, tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nơi tập trung các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư mạnh mẽ góp phần tăng về quy mô, thu hút được nhiều dự án đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn, Công tác triển khai và ủy quyền xuống các phường thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác nhằm giải quyết trong bổ sung cân đối, mục tiêu giữa quận và phường, một phần thực hiện trách nhiệm tăng thu ngân sách rất lớn cho ngân sách thành phố.

#### **1.4.2. Quận Thanh Khê**

Trên cơ sở mục tiêu định hướng phát triển của quận Thanh Khê giai đoạn 2006-2010 được Đại hội lần thứ IX Đảng bộ quận xác định “ *Tập trung tạo bước đột phá trong việc giải quyết những vấn đề cơ bản và bức xúc, phấn đấu đến năm 2010 Thanh Khê là một quận trung tâm có kinh tế - xã hội phát triển. Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững theo cơ cấu thương mại dịch vụ- công nghiệp, TTCN – thủy sản*” là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình lãnh đạo toàn diện với mục đích phát huy mọi nguồn lực trong nhân dân, thu hút đầu tư, tạo mọi điều kiện cho mọi đối tượng tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định và bền vững, đồng thời xác định mục tiêu phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương và bối cảnh phát triển chung của thành phố Đà Nẵng.

Trong 5 năm qua tốc độ tăng trưởng cao và có chuyển biến mạnh mẽ, trong năm 2010 tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra là 10.000 tỷ đồng, tăng 98% so với năm 2006, tổng số doanh nghiệp chiếm hơn 2.321 doanh nghiệp và trên 5.600 hộ kinh doanh với vốn đầu tư hằng năm tăng gần 300 tỷ đồng giải quyết việc làm cho hơn 2000 lao động. ngành CN-TTCN không ngừng phát triển và đạt được nhịp độ tăng trưởng cao, thực hiện giá trị SXCN năm 2010 đạt 630 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2006, ngành thủy sản là ngành truyền thống tuy chỉ chiếm 10,8% trong cơ cấu kinh tế nhưng đã giải quyết việc làm cho hơn 3.000 lao động.

Công tác quản lý thu thuế, phí và lệ phí được thực hiện một cách hiệu quả thông qua nhiều giải pháp mang tính đột phá như tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đến hoạt động, đặt văn phòng đại diện, hướng dẫn vay vốn kích cầu đầu tư mở rộng thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh cải cách hành chính. Chi cục thuế thực hiện quản lý thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đối với các doanh

nghiệp và các hộ kinh doanh có doanh thu lớn, cấp phường cũng được ủy nhiệm thu thuế để thực hiện mục tiêu phát triển chung của thành phố.

Thực hiện bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho các phường được đảm bảo hợp lý, công bằng, có cơ sở, phù hợp với khả năng ngân sách theo hướng phân cấp mạnh cho cơ sở.

Qua công tác quản lý thu ngân sách ở hai địa phương trên có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Hầu hết các địa phương đều tăng cường thực hiện công tác ủy nhiệm thu, điều này vừa tăng thu được cho ngân sách về thuế, chống thất thu sót hộ, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các phường trong công tác thu ngân sách.

- Coi việc thực hiện công khai tài chính ngân sách các cấp là biện pháp để tăng cường giám sát của cán bộ, công chức và nhân dân trong việc quản lý sử dụng ngân sách ở địa phương, đơn vị, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Đẩy mạnh thực hiện việc khoán biên chế và quỹ lương, coi đây là biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác của bộ máy hành chính, tăng cường trách nhiệm của cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ đồng thời tăng thu nhập cho cán bộ công chức.

***Bài học kinh nghiệm rút ra đối với công tác thu ngân sách nhà nước ở quận Cẩm Lệ***

Sự quan tâm đầu tư của các cấp lãnh đạo ủy ban nhân dân Quận, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, tiếp cận với thị trường, nắm bắt thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cả lĩnh vực sản xuất cũng như đổi mới về công nghệ quản lý nhằm giúp doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả.

Đối với cơ quan quản lý thu thuế có phương thức tiếp cận doanh nghiệp, xác định đúng doanh số bán hàng nhằm ấn định số thu của doanh nghiệp tương đối chính xác tránh trường hợp khai giảm Doanh số để trốn

thuế, cũng như không qui định quá mức mà đơn vị kinh doanh phải nộp làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

Quy trình thực hiện công tác thu đúng theo qui định, làm tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo nhận thức trong nhân dân về nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, cán bộ của Chi cục thuế quận không ngừng rèn luyện học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tạo môi trường công khai, minh bạch và thân thiện đối với doanh nghiệp. Làm tốt công tác hướng dẫn, giúp đỡ tận tình trong hướng dẫn các văn bản chế độ mới và công tác hạch toán giúp doanh nghiệp xác định đúng hiệu quả kinh doanh. Cơ quan thuế làm tốt chức năng là đơn vị cầu nối giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền địa phương tạo ra buổi giao lưu đối thoại trực tiếp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc giúp cho doanh nghiệp phát triển.



## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ**

#### **2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA QUẬN CẨM LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ THU NSNN**

##### **2.1.1. Tình hình tự nhiên ảnh hưởng đến quản lý thu NSNN**

###### ***\* Vị trí địa lý***

Cẩm Lệ là một quận mới của thành phố Đà Nẵng được thành lập theo Nghị định 102/NĐ-CP ngày 05/8/2005 của Chính phủ, trên cơ sở phường Khuê Trung của quận Hải Châu và 03 xã Hoà Thọ, Hoà Phát, Hoà Xuân của huyện Hoà Vang để lập 06 phường là: Phường Khuê Trung, Phường Hoà Thọ Đông, Phường Hoà Thọ Tây, Phường Hoà Phát, Phường Hoà An và Phường Hoà Xuân thuộc quận Cẩm Lệ. Lãnh thổ quận giới hạn bởi:

- Phía Bắc giáp quận Hải châu và quận Thanh Khê.
- Phía Nam giáp huyện Hòa Vang.
- Phía Đông giáp quận Hải Châu và quận Ngũ Hành Sơn.
- Phía Tây giáp Huyện Hòa Vang và quận Liên Chiểu.

Quận Cẩm Lệ nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam của thành phố Đà Nẵng, có nhiều trục lộ giao thông chính đi qua như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14B, của ra cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Quận Cẩm Lệ còn là địa bàn trọng tâm không gian đô thị của thành phố nên có nhiều thuận lợi để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

###### ***\* Điều kiện tự nhiên***

Cẩm Lệ là vùng đồng bằng, có địa hình đa dạng và phức tạp. Địa hình bị chia cắt bởi hướng dốc chính từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Vùng đồng

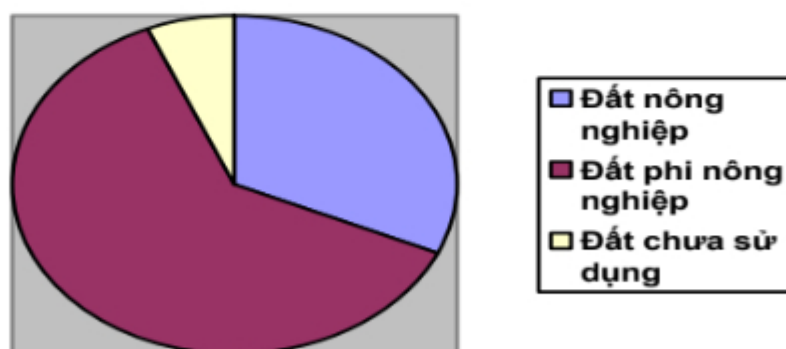
bằng tương đối bằng phẳng, chiếm phần lớn diện tích toàn quận, xen kẽ với có các đồi núi và diện tích đồng ruộng.

Khí hậu quận Cẩm Lệ cũng giống như khí hậu chung của thành phố Đà Nẵng đó là nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao (khoảng 26<sup>0</sup>C) và ít biến động. là nơi có 2 mùa rõ rệt. Chế độ ánh sáng và mưa ẩm phong phú, có lượng mưa hàng năm cao, độ ẩm trung bình hàng năm là 82%, Về diện tích tự nhiên của quận là 3.375 ha, dân số 66.318 người, mật độ trung bình 987người/km<sup>2</sup>.

**Bảng 2.1: Diện tích đất tự nhiên quận Cẩm Lệ**

STT	Loại đất	Toàn quận	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	3.375,85	100,00
1	Đất nông nghiệp	1.069,43	31,67
2	Đất phi nông nghiệp	2.089,93	61,91
3	Đất chưa sử dụng	216,58	6,42

(Nguồn: Báo cáo quy hoạch tổng thể quận Cẩm Lệ)



**Biểu đồ 2.1: đồ thị về cơ cấu % diện tích đất trên địa bàn quận Cẩm Lệ**

### 2.1.2. Tình hình xã hội

Ngay từ khi mới thành lập, trong điều kiện bước đầu còn khó khăn, thách thức nhưng quận đã nhanh chóng ổn định tình hình bộ máy tổ chức và đưa các hoạt động chung của quận đi vào nề nếp. Hệ thống chính trị từ phường đến quận được kiện toàn, củng cố. Các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể đã tạo được sự phối hợp ngày càng chặt chẽ, đồng bộ trong việc tổ chức điều hành, thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao của quận. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh và đã phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước các cấp.

**Bảng 2.2: Mật độ dân số trung bình quận Cẩm Lệ**

St t	Nội dung	Đvt	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Dân số trung bình	Người	68.865	72.770	80.023	88.059	92.824
2	LLLĐ xã hội	Người	33.254	35.263	37.806	41.318	45.335
3	Mật độ dân số	Ng/km <sup>2</sup>	2.153	2.481	2.746	2.578	2.746

(Nguồn: Niên giám thống kê quận Cẩm Lệ)

Với số lượng dân số trên địa bàn qua các năm đều tăng cho thấy được mức độ tập trung dân số ngày càng đông, chủ yếu do sự di dân từ nơi khác đến, tập trung nhiều ở cụm công nghiệp, và các khu dân cư mới. Đây là lực lượng lao động dồi dào tham gia vào hoạt động sản xuất trên địa bàn quận cũng như địa phương khác.

**Bảng 2.3: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của quận Cẩm Lệ trong 5 năm qua (2006-2010)**

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tăng b/quân
<b>1. Dân số có đến cuối năm</b>	Người	68.856	72.770	80.023	88.059	92.824	
<b>6. Thu ngân sách</b>	Tỷ.đồng	21	30	51	56	88	
<b>7. Tổng vốn Đầu Tư XDCB trên địa bàn quận</b>	Tr.đồng	3.973	6.296	6.903	5.463	7.815	
<b>8. Tổng giá trị xuất khẩu</b>	1.000 USD	4.500	4.500	5.800	4.500	5.000	
<b>9. Giáo dục</b>							
- Học sinh THCS	Người		4.559	4.559	4.490	4.490	
- Học sinh tiểu học	Người	3.927	4.946	4.946	5.300	5.300	
- Học mầm non	Người	3.165	3.825	3.825	6.500	6.500	
<b>10. Y tế</b>							
- Tỷ lệ phường có trạm y tế	%	100	100	100	100	100	
- Tỷ lệ phường có bác sỹ	%	100	100	100	100	100	
- Giảm tỷ suất sinh	%	0,54	0,45	2,19	0,62	0,7	
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	8,4	8,9	7,23	6,85	5,98	
<b>11. Giảm Hộ nghèo hàng năm so với kế hoạch</b>	Hộ	251/397	300/300	280/300	891/700	922/650	
<b>12. Giải quyết việc làm</b>	Người	1.371	1.500	1.586	1.721	1.800	
<b>13. Gợi công dân nhập ngũ</b>	%	100	100	100	100	100	

(Nguồn: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội 2006-2010 quận Cẩm Lệ)

Với sự phát triển nhanh của các ngành kinh tế, các lĩnh vực văn hoá xã hội cũng có nhiều chuyển biến tích cực cả về quy mô và chất lượng thời gian qua quận đã đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động địa phương, thực hiện công tác giảm hộ nghèo hàng năm đạt chỉ tiêu các thiết chế văn hoá được xây dựng và củng cố, tình hình an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện.

Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng chống dịch bệnh, chính sách an sinh xã hội, kịp thời giải quyết các chế độ cho các đối tượng và gia đình chính sách. Công tác hỗ trợ các hộ nghèo được quan tâm tích cực và có hiệu quả. Các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền, trang trí cổ động trực quang thực hiện khá tốt. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác dạy và học, quy mô trường lớp tiếp tục tăng ở các bậc học; đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất nhà trường cơ bản được đảm bảo.

Hàng năm giải quyết việc làm cho 1.500-2.000 người, duy trì tỉ suất sinh dưới 1%/năm, giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi dưới 5% vào năm 2010. Đến năm 2020, phấn đấu 80% phường THPT, 70% trường THCS và 20% trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo khoảng 90% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT.

Bên cạnh đó công tác xây dựng quận trở thành “Quận môi trường” vào năm 2011 đến năm 2015 có 100% dân số nội thành và 90% dân số vùng nông thôn được sử dụng nước sạch sinh hoạt tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn 100% và trên 95% chất thải rắn được tái chế có 100% nước thải công nghiệp và sinh hoạt được xử lý diện tích không gian cây xanh đô thị đạt 9-10m<sup>2</sup>/người.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên trong thời gian đến quận Cẩm Lệ tiếp tục khai thác các lợi thế và huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá và tập trung phát triển kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp để thúc đẩy phát triển dịch vụ. Chăm lo phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao tỷ lệ dân cư có nếp sống văn hoá văn minh đô thị. Quận đã và đang xây dựng để trở thành một điểm đến hấp dẫn và an toàn, phấn đấu trở thành

trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội ở cửa ngõ phía Tây Nam của thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự phát triển một cách toàn diện của quận Cẩm Lệ hiện nay thì vẫn chưa đáp ứng được, nhất là về cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường sinh thái. Công tác quản lý thu, chi NSNN trên địa bàn quận còn hạn chế, chưa thật hiệu quả, khả năng tích lũy từ nội bộ quận vẫn chưa cao, còn phụ thuộc nhiều vào sự phân cấp của thành phố, trình độ dân trí vẫn còn thấp so với yêu cầu. Đội ngũ cán bộ còn thiếu, năng lực quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

### **2.1.3. Đặc điểm kinh tế**

Cùng với chủ trương phát triển của thành phố, quận đã luôn quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị tạo cơ sở nền tảng cho việc phát triển KT-XH theo đúng định hướng, chiến lược đã đề ra. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn liên tiếp đạt và vượt dự toán thành phố giao, năm sau cao hơn năm trước. Nguồn chi ngân sách đảm bảo đáp ứng cho các chương trình trọng điểm của quận. Cơ cấu kinh tế của quận chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ, du lịch, thương mại - công nghiệp. Các hoạt động thương mại như: hệ thống ngân hàng, siêu thị, chợ, đại lý bán sỉ, kinh doanh bán lẻ và các dịch vụ đang phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, với tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ gần 1.000 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu trên 10 triệu USD. Ngoài ra, quận có Bến xe Trung tâm thành phố là cửa ngõ đón đưa khách đến Đà Nẵng, có Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế, có hệ thống kinh doanh siêu thị đang hình thành và phát triển, có khu Du lịch sinh thái Hoà Xuân và Đồng Nò đang quy hoạch xây dựng tạo thuận lợi trong việc phát triển thương mại và dịch vụ trong thời gian đến cho thành phố nói chung và quận Cẩm Lệ nói riêng. Trong công tác đầu tư hạ tầng cơ sở, quận đã chú trọng đến hệ thống giao thông, điện, nước sinh hoạt, chợ, trường học và bệnh viện. 05 năm

qua quận làm chủ đầu tư xây dựng gần 200 công trình với tổng vốn gần 150 tỷ đồng. Ngoài ra, các công trình Thành phố đầu tư xây dựng trên địa bàn như: đường ven sông Tuyên Sơn - Tuý Loan, khu công viên Đò Xu, tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ nối với phường Hoà Quý - quận Ngũ Hành Sơn, khu đô thị phía tây đường Trường Chinh và hơn 40 dự án quy hoạch các khu dân cư... đã tạo nên bộ mặt đô thị Cẩm Lệ mới, trẻ trung.

Bên cạnh việc phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Trên lĩnh vực nông nghiệp, quận đã tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả trên một diện tích canh tác, đầu tư phát triển trên 20 ha rau chuyên canh tại các vùng rau Liêm Lạc - phường Hoà Xuân, La Hường - phường Hoà Thọ Đông để sản xuất kết hợp với phát triển dịch vụ du lịch. Hiện nay, quận đã xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển thương mại - dịch vụ, xây dựng đề án phát triển CN-TTCN đến năm 2010 và định hướng sau 2010, đã triển khai thực hiện đề án bảo vệ môi trường đến năm 2010, đặc biệt quận đã và đang xây dựng các đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quận từ năm 2006 - 2020, phấn đấu quận Cẩm Lệ trở thành quận phát triển khá của thành phố với GDP bình quân đầu người cao hơn mức trung bình chung của thành phố và cả nước làm cơ sở quy hoạch phát triển các ngành trong những năm đến.

Cùng với quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị của thành phố, bộ mặt quận đô thị đã được hình thành, quận với khu công nghiệp Hoà Cẩm với diện tích gần 270 ha đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, hiện có trên 50 doanh nghiệp đang hoạt động. Hiện nay, trên địa bàn quận có gần 400 doanh nghiệp và hơn 1.000 hộ sản xuất kinh doanh với tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng đã tạo ra nhiều sản phẩm, mặt hàng có chất lượng, uy tín trên thị trường và góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu lao động và phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

**Bảng 2.4: Giá trị sản xuất các ngành kinh tế**

Đvt: tỷ đồng

Ngành kinh tế	Đvt	2006	2007	2008	2009	2010
<b>2. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn quận</b>		1.324	1.612	1.961	2.322	2.810
<b>3. GTSX Công nghiệp – xây dựng</b>	Tỷ.đồng	1.003	1.226	1.472	1.720	2.050
<i>Trong đó: CN dân doanh</i>		124	163	195	250	315
<b>4. GTXS TM-DV</b>	Tỷ.đồng	294	358	462	577	733
<b>5. Nông nghiệp – Thủy sản</b>	Tỷ.đồng	27,8	28	26,7	24,6	22
- Trồng trọt-chăn nuôi				21,2		
- Thủy sản				5,5		

Nguồn: Báo cáo theo niên giám Thống kê quận Cẩm Lệ.

Qua 05 năm thành lập, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của quận đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: tổng giá trị sản xuất tăng bình quân: 18,4% Giá trị ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân: 16,6%. Trong đó, giá trị công nghiệp dân doanh đạt 24,4%, giá trị ngành thương mại - dịch vụ tăng bình quân 27%, Giá trị ngành nông nghiệp bình quân giảm 0,25%, tăng thu ngân sách nhà nước bình quân: 26%, Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 20,1 triệu đồng/người/năm (theo giá hiện hành) và giải quyết việc làm khoảng 1.800 lao động/năm.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:

Thực hiện theo tinh thần qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của quận đến năm 2020, theo đó triển khai qui hoạch chi tiết các ngành, qui hoạch mở rộng Trung tâm hành chính quận, qui hoạch chi tiết phát triển và đầu tư xây dựng các khu đô thị mới diễn ra ngày càng sôi động, mạng lưới giao thông được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ trên toàn địa bàn. Hệ thống giao thông liên phường về cơ bản đã hoàn chỉnh. Triển khai khớp nối qui hoạch giữa quận với thành phố đảm bảo đầu tư xây dựng mang tính chiến lược phát triển dài hạn của thành phố, xây dựng hệ thống giao thông



nối liền giữa các địa phương, các hệ thống giao thông của Nhà nước phục vụ cho phát triển hành lang kinh tế Đông Tây vận chuyển hàng hoá qua cảng biển thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, hệ thống giao thông còn được đầu tư từ các nguồn vốn viện trợ, các tổ chức phi chính phủ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong định hướng phát triển đến năm 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Cẩm Lệ lần thứ I đã xác định: "Quyết tâm xây dựng quận Cẩm Lệ phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng đô thị, tạo thế và lực để phát triển mạnh về công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch ở cửa ngõ phía Tây Nam của thành phố". Tại Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ quận giữa nhiệm kỳ đã điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu cho phù hợp với tình hình phát triển của quận và xác định rõ mục tiêu của quận là: tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hằng năm 18-19%, trong đó: ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 17-18% (công nghiệp dân doanh của quận đạt từ 24-25%), thương mại - dịch vụ tăng 26-27%, giá trị xuất khẩu tăng 22-24%, nông nghiệp giảm 5-6%, tăng thu ngân sách hàng năm 20-21%, giảm hết hộ nghèo trên địa bàn quận. Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2015 đạt 1.900-2.000USD đến năm 2020 đạt 3.000-3.500USD.

## **2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ**

### **2.2.1. Thực trạng công tác lập dự toán thu NSNN**

Tuy là một quận mới thành lập nhưng bộ máy chính quyền của quận đã đi vào ổn định, dưới sự lãnh đạo của Quận ủy, UBND quận và các cơ quan chuyên môn quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đề ra, công tác quản lý từng bước đạt được hiệu quả ở nhiều lĩnh vực, các nhiệm vụ trọng tâm được đặt lên hàng đầu, công tác lập dự toán thu được thực hiện thường xuyên và được cấp trên giao quyền chủ động trong công tác quản lý, tạo nguồn thu ổn

định cho ngân sách trong năm. Hằng năm lãnh đạo UBND quận Cẩm Lệ đã chỉ đạo các phòng, ban và cơ quan chuyên môn, trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ được cấp trên giao thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của quận phê duyệt trước khi trình UBND thành phố thông qua.

**Bảng 2.5: Tổng hợp dự toán thu NSNN quận Cẩm Lệ**

*Đvt : tỷ đồng*

<b>T</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>năm</b>	<b>năm</b>	<b>năm</b>	<b>năm</b>	<b>năm</b>
<b>T</b>		<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
	<b>Tổng thu (A+B+C+D+E)</b>	<b>49,5</b>	<b>54</b>	<b>65,3</b>	<b>80,4</b>	<b>98,7</b>
<b>A</b>	<b>thu cân đối NSNN</b>	24	20,5	30,5	41,1	62,5
1	Thu từ DN ngoài quốc doanh	10,9	13	16,4	23,5	32,7
2	Các khoản thu về nhà đất				1,5	6,5
3	Thuế TN đối với người có thu nhập cao				6	11,5
4	Lệ phí trước bạ	4	3,7	6,5	9	0,9
5	Thu phí và lệ phí	0,5	0,5	0,6	0,8	2,2
6	Các khoản thu về nhà đất	7,9	3,3	6,6		0,8
7	Thu khác ngân sách	0,8		0,4	0,5	1,8
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	1,2	2,1	1,3	1,6	35,3
<b>C</b>	<b>Thu BS từ NS cấp trên</b>	24,3	31,3	33,5	37,6	25,4
1	BSCĐ	22,3	25,5	25,5	24,5	9,8
2	BSMT	2	5,9	8	13	9,8
<b>D</b>	<b>Tồn quỹ ngân sách năm trước</b>					
<b>E</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>					

Nguồn: Dự toán ngân sách quận năm 2006-2010.

Trên cơ sở thành phố phân cấp về cho quận những chức năng, quyền hạn, cũng như nguồn thu ngân sách được hưởng. Từ đó, làm căn cứ hoạch định dự toán thu, chi ngân sách, phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thu (Chi Cục thuế, Kho bạc Nhà nước, cơ quan có nhiệm vụ thu theo lĩnh vực) tập trung xây dựng kế hoạch thu dài hạn theo lĩnh vực của từng đơn vị làm cơ sở tổng hợp xây dựng chung cho toàn quận đảm bảo thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước.

Công tác lập dự toán thu của quận được tiến hành chủ yếu dựa trên các quy định và hướng dẫn của thành phố, trung ương, đảm bảo ước thực hiện cao hơn 130% so với năm trước. Năm 2006 kế hoạch thu ngân sách là 37,5 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là thành phố bổ sung là 24,2 tỷ đồng, các khoản thu ngân sách quận thu đạt 12 tỷ đồng. năm 2008 là 62,3 tỷ đồng và năm 2010 là 98,7 tỷ đồng, trong đó các khoản thu quận thu được hưởng là 53,9 tỷ đồng. Mức tăng hàng năm từ 120%- 150% dựa trên trên quả thực hiện năm trước và thực tế của các ngành cụ thể. Chi đạo Cơ quan thuế bằng nhiều hình thức nguyên cứu xây dựng kiện toàn hệ thống thu thuế trên địa bàn, tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế vào địa phương, thực hiện cơ chế miễn giảm, hỗ trợ các hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, khuyến khích giảm thuế đối với những ngành nghề mới, có nhân lực cao, giải quyết các vấn đề xã hội việc làm của địa phương.

Hàng năm, thường xuyên rà soát các văn bản liên quan đến hoạt động thu phí, lệ phí; mức độ phù hợp cũng như tính đúng đắn hay bất cập của các loại phí để kịp thời báo cáo, kiến nghị lên thành phố sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế địa phương. nhất là trong lĩnh vực về đất đai, các thủ tục dân sự, vì phần lớn dân cư còn xuất phát từ nông thôn nên định mức thu không thể bằng các quận nội thành.

Bên cạnh những khoản thu đã có quy định, quận cùng với thành phố và trung ương cũng chú trọng mở rộng quy hoạch đô thị, xây dựng hạ tầng, tạo môi trường pháp lý, môi trường cạnh tranh... đã thu hút được nhiều thành phần kinh tế vào thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn quận, cụ thể là số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh tăng lên đáng kể. Công tác lập dự toán thu của quận dựa trên thực tế tại các địa phương có thể mạnh như Hòa An, Hòa Thọ Đông và Khuê Trung. Đây là những nơi tập trung của nhiều thành phần kinh tế hoạt động, có giao thông thuận lợi...

Nhận thức được công tác quy hoạch đô thị mở rộng khu đô thị trên địa bàn quận sẽ tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế phát triển, kinh doanh thông suốt và tăng quy mô về thu ngân sách quận, Lãnh đạo UBND quận đã xin chủ trương và được sự đồng ý của thành phố, quận đã xây dựng và bảo vệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trước bộ, ngành Trung ương. Được Trung ương phê duyệt vốn đầu tư các tuyến đường lớn, cơ sở hạ tầng trên địa bàn quận trong những năm gần đây, thành quả trên của quận đã được Bộ Kế hoạch - Đầu tư đề nghị Chính phủ tặng bằng khen.

Công tác lập dự toán thu ngân sách quận tuy được chủ động thực hiện trong thời kỳ ổn định, nhưng chịu sự ảnh hưởng của thành phố và trung ương khi có sự thay đổi về chủ trương chính sách, cũng như điều chỉnh nội dung quy định về thu chi NSNN và mục tiêu KT-XH của thành phố cũng có tạo điều kiện thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đề ra cho toàn quận. Ngoài ra, việc thay đổi một số chủ trương, Nghị quyết của Quận về điều hành quản lý cũng là một khó khăn ảnh hưởng rất nhiều để tính toán nhu cầu khả năng của ngân sách quận.

Công tác lập dự toán thu của quận được tiến hành chủ yếu dựa trên các quy định của thành phố, trung ương và ước thực hiện của địa phương. Trong quá trình thực hiện khi phát hiện có những bất cập, chưa hợp lý tổng hợp đề xuất cơ quan cấp trên sửa đổi các quy định chưa phù hợp đến chế độ và chính sách chung của toàn quận, những vấn đề ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển của địa phương, như vẫn còn nhiều nội dung còn chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, các dự án quy hoạch treo ảnh hưởng chông chéo trong quy tắc đô thị, nhiều văn bản quy định về thuế, phí và lệ phí ở nhiều lĩnh vực đã quy định rất thấp không còn phù hợp với thực tế hiện nay cụ thể như quy định về cấp biển số nhà 30.000đồng/1 biển số trong khi đó chi phí thực tế để thực hiện là không đủ, các quy định về lĩnh vực tư pháp như đăng ký kết hôn, chứng

thực... được bãi bỏ hoặc mức thu phí rất thấp ảnh hưởng đến quá trình chi thực hiện thu ở địa phương.

Với tình hình chung cả nước trong những năm 2007- 2010 vừa qua lạm phát cao và sắp tới đây hiện tượng lạm phát và giá cả theo thang trở lại. Chính phủ đã chỉ định các đơn vị, địa phương thực hiện biện pháp tiết kiệm chi từ quản lý hành chính thêm 10% nhằm kiềm chế lạm phát, giảm và cắt bỏ những nội dung chi tiêu công cũng làm ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách giảm. Đây cũng là một trở ngại rất lớn trong công tác tăng thu ngân sách quận so với năm trước, trước thách thức này những năm qua quận Cẩm Lệ vẫn quyết tâm thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch chi tiêu KT-XH trên địa bàn.

### **2.2.2. Thực trạng công tác chấp hành thu NSNN**

Về cơ bản, nhiệm vụ động viên số thu vào NSNN trong giai đoạn 5 năm 2006-2010 đã hoàn thành một cách toàn diện cả về quy mô, cơ cấu thu, đảm bảo nguồn thu cho NSNN thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong những năm qua, quận Cẩm Lệ có tốc độ phát triển kinh tế tương đối nhanh, tình hình chính trị xã hội ổn định, hoạt động SXKD trên địa bàn không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ du lịch, thương mại-CN-TTCN, kết quả đó đã tác động rất lớn đến thu NSNN trên địa bàn quận. Thu ngân sách quận đã đạt nhiều kết quả to lớn, nguồn thu ngày càng tăng lên, cơ cấu nguồn thu ngày càng ổn định vững chắc hơn. Thu ngân sách quận không những đáp ứng được những nhiệm vụ chi thiết yếu cho bộ máy QLNN, chi SNKT, văn hoá xã hội, AN-QP, đảm bảo xã hội và bổ sung cân đối ngân sách phường mà còn dành phần thích đáng cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị làm thay đổi cơ bản bộ mặt của quận.

Kết quả thu NSNN năm 2010 tăng gấp 4 lần so với năm 2006, kết quả thu nêu trên là tích cực trong điều kiện vẫn tiếp tục điều chỉnh chính sách thu

để khuyến khích đầu tư, sản xuất - kinh doanh (giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, miễn thu thuế lợi phí, thực hiện các chính sách miễn giảm, giãn nộp thuế TNDN, thuế GTGT trong năm 2010 để kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế...).

Cơ cấu thu được cải thiện theo hướng đảm bảo sự bền vững; các khoản thu từ thuế, phí tăng dần qua các năm và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN. Tỷ trọng các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí trong tổng thu NSNN trong giai đoạn 2006-2010 đạt trên 100%. Tốc độ tăng thu từ thuế, phí hằng năm trong những năm gần đây luôn ở mức cao hơn so với tốc độ tăng thu chung của NSNN. số thu từ các sắc thuế quan trọng, có tính ổn định như thuế TNDN, thuế GTGT và thuế thu nhập cá nhân có mức tăng nhanh và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tổng thu NSNN. Tỷ trọng số thu từ 3 sắc thuế này trong tổng thu NSNN tăng từ mức khoản 30 - 50%. Ngoài các nguồn thu từ thuế, phí, nguồn thu từ tài nguyên đất, đóng góp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng đã được động viên kịp thời, đã tạo nguồn thu quan trọng để các địa phương cũng như ngân sách quận có thêm nguồn đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Qua biểu báo cáo thu hầu hết các chỉ tiêu thu trong năm đều đạt và vượt dự toán đầu năm. Trên tất cả các lĩnh vực thu của các ngành và UBND 6 phường đều phấn đấu hoàn thành công tác thu, tạo sự chủ động cấp cơ sở khai thác nguồn thu, phấn đấu tăng thu. Các địa phương cũng đã chủ động trong khâu tuyên truyền, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi để nhân dân yên tâm bỏ vốn vào đầu tư. Bên cạnh đó chính quyền địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng qua các năm đã hoàn chỉnh khớp nối các tuyến giao thông chính, đầu tư nâng cấp các chợ trên địa bàn. Phối hợp các Trung tâm xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh địa phương kêu gọi đầu tư. Qua các năm các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tăng cả về qui mô và đa dạng

các ngành nghề là cơ sở tạo nguồn thu cho ngân sách. Trên lĩnh vực thu huy động nghĩa vụ trong nhân dân bao gồm thu các quỹ theo qui định hầu hết các phường đều phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu này ngay từ quý I trong năm. Nên trong thời gian qua trên lĩnh vực thu ngân sách quận Cẩm Lệ được đánh giá là địa phương hoàn thành tốt trong công tác thu, được thành phố và trung ương tặng bằng khen.

- Nguồn thu giao cho địa phương ổn định qua các năm, tỷ lệ điều tiết được qui định cho cả thời kỳ ổn định ngân sách. Theo qui định của luật ngân sách sửa đổi qui định một số nguồn thu cố định được để lại cho ngân sách các cấp theo tỷ lệ phân chia các khoản thu được ổn định trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách từ 3 đến 5 năm đã tạo ra được động lực phấn đấu khai thác nguồn thu của các địa phương. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2006- 2010 số thu các phường đạt và vượt dự toán cao, các phường có nguồn chủ động đầu tư, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng, đầu tư các nội dung phát triển kinh tế, trang bị thêm trang thiết bị phục vụ nhu cầu công tác... và cơ bản bảo đảm ổn định cân đối ngân sách và hằng năm sau khi thực hiện các nhiệm vụ chi có nguồn kết dư để chuyển năm sau.

- Thu từ sản xuất kinh doanh ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu. Theo báo cáo thu: mức thu huy động từ lĩnh vực sản xuất ngày càng tăng và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn thu. Với đổi mới cơ chế chính sách tài chính doanh nghiệp đã đảm bảo sự bình đẳng, thống nhất quản lý giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc đổi mới cơ chế chính sách được thông qua việc ban hành mới hoặc sửa đổi một số luật, văn bản dưới luật các chính sách về thuế, kế toán, tài chính, tín dụng, chính sách ưu đãi, chế độ khấu hao tài sản, chế độ trích lập quỹ dự phòng các khoản rủi ro tổn thất được áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Đây là cơ

sở đầu hiệu cho nguồn thu phát triển bền vững, nguồn thu từ tài nguyên, đất đã giảm dần tỷ trọng trong cơ cấu nguồn thu qua các năm.

- Các khoản thu huy động trong dân, thu các quỹ ngày càng giảm dần. Trong giai đoạn 2006- 2007, để có nguồn kinh phí đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhất là giao thông kiệt hém. HĐND thành phố đưa ra chủ trương về phương thức thực hiện huy động vốn góp từ trong nhân dân để làm cơ sở cho vốn cấp đối ứng từ ngân sách thành phố, cụ thể tỷ lệ đối ứng Nhà nước 80% nhân dân đóng góp 20%. Với chủ trương này hằng năm nguồn huy động từ trong nhân dân từ 2 đến 3 tỷ đồng, nhiều hộ dân còn tự nguyện hiến đất làm đường, với một địa phương mới thành lập mức huy động như vậy quả là quá sức người dân song vì để có hệ thống giao thông đi lại ổn định người dân đã rất đồng tình trong chủ trương này. Thời gian từ năm 2008- 2010, thành phố đã huy động được nguồn khai thác quỹ đất trên địa bàn, nên gần như vốn đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng đều do thành phố đầu tư 100%. Nguồn thu từ các quỹ không còn giao chi tiêu thu về cho các phường như trước mà chủ yếu huy động đóng góp tự nguyện từ nhân dân tùy theo khả năng của các hộ. Chính sách thu từ lĩnh vực này được nhân dân đồng tình.

- Các khoản thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, vốn huy động đối ứng cho các công trình giao thông, vốn các tổ chức viện trợ, các tổ chức khác được huy động dựa trên nguyên tắc công khai minh bạch, sử dụng đúng mục đích và đem lại hiệu quả.

Trong công tác thu thuế đã có những cải tiến đáng kể góp phần nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị kinh doanh trong công tác tự khai tự nộp. Công tác quản lý thuế được chuyển từng bước từ chế độ chuyên quản khép kín sang chế độ người nộp thuế tự tính, tự khai và nộp thuế. Cơ chế này đã đề cao nghiệp vụ, trách nhiệm của người nộp thuế trước pháp luật. Cơ quan thuế chỉ tăng cường chức năng tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn, đôn



đốc thu nộp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về thuế. Chính sách thuế ngày càng hoàn thiện trên các lĩnh vực, bao quát hơn các đối tượng nộp thuế, như luật thuế thu nhập cá nhân ra đời và có hiệu lực từ ngày 1/1/ 2009 lĩnh vực này trước đây chưa được Nhà nước quan tâm, thực hiện chính sách thuế này đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Với nhiệm vụ được giao, phòng Tài chính – Kế hoạch quận chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện xây dựng chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi NSNN, trong đó nhiệm vụ xây dựng dự toán và đạt được dự toán thu là khâu quan trọng nhất để đảm bảo nhiệm vụ chi quản lý nhà nước và thực hiện những nhiệm vụ chính trị của quận vừa đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách. Cuối năm ngân sách có số kết dư tương đối lớn, lành mạnh hoá các quan hệ ngân sách tạo được niềm tin trong nhân dân trên lĩnh vực này.

Phân tích tình hình thu ngân sách quận Cẩm Lệ 5 năm (2006-2010) thể hiện qua bảng 2.6, bảng 2.7 và bảng 2.8.

**Bảng 2.6: Thực hiện thu ngân sách địa phương***Đvt: Triệu đồng.*

TT	NỘI DUNG	2006	2007	2008	2009	2010
	<b>Tổng số thu</b>	<b>68.445</b>	<b>100.785</b>	<b>115.455</b>	<b>130.969</b>	<b>153.005</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu cân đối ngân sách</b>	<b>67.122</b>	<b>92.487</b>	<b>109.885</b>	<b>127.445</b>	<b>149.923</b>
1	Các khoản thu NS ĐP hưởng 100%	3.142	19.691	26.730	22.107	29.949
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	11.035	11.601	20.218	24.241	41.184
3	Thu kết dư năm trước	2.841	3.580	8.006	13.674	4.660
4	Thu chuyển nguồn năm trước			7.187	13.886	16.571
5	Thu viện trợ	169	200		651	
6	Thu BS từ ngân sách cấp trên	49.936	57.416	47.743	52.886	57.557
	<i>Trong đó: BSCD ngân sách</i>	<i>28.397</i>	<i>29.730</i>	<i>29.773</i>	<i>28.830</i>	<i>29.773</i>
	<i>BS có mục tiêu</i>	<i>21.539</i>	<i>27.686</i>	<i>17.970</i>	<i>24.055</i>	<i>27.784</i>
7	Kết dư NS	3.580	8.006	13.674	4.660	6.381
<b>B</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>1.323</b>	<b>8.274</b>	<b>5.570</b>	<b>3.525</b>	<b>3.082</b>
<b>C</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới</b>		<b>25</b>			

*(Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách quận Cẩm Lệ từ năm 2006- 2010.)*

Số liệu ở các bảng 2.5 trên cho thấy:

- Tổng thu NSNN có tốc độ tăng trưởng khá cao. Năm 2006, tổng thu ngân sách trên địa bàn là 68.445 triệu đồng; năm 2007 tổng thu ngân sách địa phương là 100.785 triệu đồng, đến năm 2010 đã đạt được 153.005 triệu đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2006. Đây là một nguồn thu tăng khá nhanh sau 5 năm từ khi thành lập quận. Đi sâu vào phân tích một số khoản thu ta thấy:

+ Phần lớn nguồn thu từ ngân sách quận do ngân sách thành phố bổ sung dưới hình thức bổ sung cân đối và có mục tiêu, nguyên nhân chủ yếu là do địa bàn quận mới thành lập, công tác thực hiện phân cấp nguồn thu còn hạn chế, mặt khác tuy là quận nhưng chủ yếu địa bàn là nông dân chuyển đổi và quy mô kinh tế chưa đảm bảo, các thành phần kinh tế chi mới nhỏ lẻ, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, trong năm 2006 đến 2007 nguồn thu của quận chủ yếu do thành phố bổ sung để thực hiện mục tiêu KT-XH của toàn thành phố, năm 2008 thành phố bắt đầu thực hiện phân cấp về quận nhiều nhiệm vụ mới về chiến lược phát triển chung của thành phố cũng như giao quyền về chức trách và tự chủ trong nguồn thu giữa thành phố và quận, qua đó nguồn thu giữa thành phố và quận cũng thay đổi dưới hình thức tăng tỷ lệ các khoản thu quận được hưởng và giảm nguồn thu từ cấp trên phân bổ cấp dưới.

+ Thu từ khu vực SXKD trong nước là nguồn thu chủ yếu của ngân sách quận và có tốc độ tăng khá cao. Năm 2006 số thu từ khu vực này là 14.177 triệu đồng. Năm 2007 là 31.291 triệu đồng, thì đến năm 2010 đã là 64.431 triệu đồng, tăng hơn 4 lần so với năm 2006, tuy nhiên tốc độ tăng bình quân hàng năm không đồng đều. Năm 2008 tăng 151,8% so với năm 2007 là do thành phố phân cấp thêm nhiều doanh nghiệp NQD trước đây do Cục thuế thành phố thu nay chuyển về cho ngành thuế quận thu để đảm bảo cân đối ngân sách quận.

+ Thu từ viện trợ chiếm tỷ trọng rất thấp, năm 2006 là 169 triệu đồng, năm 2007 là 200 triệu đồng, năm 2009 là 651 triệu đồng, năm 2008 và năm 2010 không thu. Từ đó cho thấy các khoản thu này không đều qua các năm. Một số khoản thu viện trợ ghi thu trực tiếp từ thành phố và một số không thông qua quận nên số thu này không được hạch toán vào thu ngân sách quận, do các khoản thu được thực hiện từ theo phân cấp thành phố trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng và theo phương thức trao tay trực tiếp cho hộ cá thể trên địa bàn.

**Bảng 2.7: Tổng hợp thu ngân sách trên địa bàn quận theo từng lĩnh vực***Đvt: Triệu đồng.*

TT	NỘI DUNG	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
	<b>TỔNG THU NSNN (A+B)</b>	<b>18.443</b>	<b>43.345</b>	<b>67.668</b>	<b>78.083</b>	<b>88.224</b>
<b>A</b>	<b>THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>17.187</b>	<b>35.071</b>	<b>62.032</b>	<b>74.559</b>	<b>85.158</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ SXKD trong nước</b>	<b>14.177</b>	<b>31.291</b>	<b>46.839</b>	<b>46.348</b>	<b>64.431</b>
1	Thu từ kinh tế quốc doanh				0.3	4
2	Thu từ DN đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh			21.989	26.582	40.064
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10.987	12.894	11.193		
5	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao					
6	Lệ phí trước bạ		8.314		15.774	22.290
7	Thu phí xăng dầu					
8	Thu phí, lệ phí	567	654	788	808	480
9	Các khoản thu về nhà, đất	1.065	9.429	12.204	1.998	660
10	Thu tại xã	584		44	75	
11	Thu khác ngân sách	975		621	1.111	930
<b>II</b>	<b>Thu về dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu hải quan</b>					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>169</b>	<b>200</b>		<b>651</b>	
	Thu dự trữ tài chính					
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>	<b>2.841</b>	<b>3.580</b>	<b>8.006</b>	<b>13.674</b>	<b>4.494</b>
<b>VI</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>7.187</b>	<b>13.886</b>	<b>16.232</b>
<b>VI</b>	<b>Thu huy động theo quy định của khoản 3 luật NSNN</b>					
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NSNN</b>	<b>1.256</b>	<b>8.274</b>	<b>5.636</b>	<b>3.525</b>	<b>3.066</b>
<b>C</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN</b>	<b>49.936</b>	<b>57.416</b>	<b>47.743</b>	<b>52.886</b>	<b>42.488</b>
<b>D</b>	<b>THU TỪ NS CẤP DƯỚI NỘP LÊN</b>	<b>67</b>	<b>25</b>	<b>44</b>		
<b>E</b>	<b>TH TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU</b>					
	<b>TỔNG SỐ ( A đến E)</b>	<b>68.445</b>	<b>100.785</b>	<b>115.455</b>	<b>130.690</b>	<b>130.713</b>

*(Báo cáo quyết toán ngân sách quận Cẩm Lệ 2006-2010)*

Qua biểu tổng hợp thu ngân sách theo lĩnh vực tại biểu 2.7 ta thấy được danh mục thu của cấp quận thu về sản xuất kinh doanh trong nước chiếm tỷ trọng lớn, trong đó lĩnh vực công thương ngoài quốc doanh, các khoản thu về sử dụng đất nông nghiệp, và thuế nhà đất là chính. nhưng còn có các danh mục thu lớn mà quận lại không được hưởng như thu từ kinh tế quốc doanh, danh nghiệp nước ngoài, thu từ xăng dầu.

Các khoản thu bổ sung từ cấp trên là một phần không thể thiếu để thực hiện nhiệm vụ của quận, những năm 2006- 2007 hoạt động của quận chủ yếu từ nguồn phân bổ này, tuy mang tương đối ổn định nhưng nó cũng mang tính thực hiện nhiệm vụ có mục tiêu cụ thể, không có tính tự chủ của cấp quận, từ năm 2008 - 2010 nguồn thu này tiếp tục tăng thể hiện được tính cấp bách và sự phấn đấu nỗ lực của toàn quận trên chiến lược phát triển các mục tiêu các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Một nội dung thu cũng rất quan trọng đối với ngân sách quận đó là nguồn thu từ cấp dưới nộp lên, nhưng thực tế hiện nay nguồn thu từ cấp dưới lên lại rất thấp không đáng kể và chưa ổn định, cho thấy được cơ cấu nguồn thu về cấp phường còn hạn chế, các doanh mục thu thấp và con người cũng còn hạn chế. Nguyên nhân do tỉ lệ phân chia với các phường thấp và các địa phương xin được trích lại để thực hiện chi hoạt động tại địa phương.

**Bảng 2.8: Tổng hợp thu ngân sách trên địa bàn quận theo từng sắc thuế**

Đvt: Triệu đồng

NỘI DUNG	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
<b>A. Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>25.728</b>	<b>41.226</b>	<b>49.302</b>	<b>63.859</b>	<b>95.364</b>
<b>I. Các khoản thu từ thuế</b>	<b>15.144</b>	<b>33.347</b>	<b>35.912</b>	<b>39.218</b>	<b>63.851</b>
1. Thuế GTGT	6.278	8.657	16.253	24.938	42.551
2. Thuế TT ĐB hàng SX trong nước	33	66	113	155	184
3. Thuế xuất khẩu					
4. Thuế nhập khẩu					
5. Thuế TT ĐB hàng nhập khẩu					
6. Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu					
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.277	4.167	6.098	1.842	3.130
8. Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài					
9. Thuế tài nguyên	44	68	58	289	962
10. Thuế TN đối với người có thu nhập cao				8.421	13.099
11. Thuế SDD NN					
12. Thuế nhà đất	1.065	1.239	1.539	1.677	1.964
13. thuế chuyên quyền SDD	2.611	8.190	10.664	321	645
14. Thuế môn bài	837	961	1.187	1.575	1.956
<b>II. Các khoản phí, lệ phí</b>	<b>5.006</b>	<b>9.141</b>	<b>12.199</b>	<b>18.804</b>	<b>26.434</b>
15. Lệ phí trước bạ	3.902	8.314	11.193	15.774	22.290
16. Phí xăng dầu				3	
17. Các loại phí, lệ phí khác	1,104	827	1,005	3,027	4.143
<b>III. Các khoản thu khác còn lại</b>	<b>5.409</b>	<b>8.538</b>	<b>1.191</b>	<b>5.187</b>	<b>5.079</b>
18. Thu tiền thuê đất, mặt đất, mặt nước	31				10
19. Thu giao quyền SDD	2.157				
20. Thu bán nhà ở					
21. Thu quỹ đất công ích HLCS của NS xã	8	26	17	72	31
22. Thu khác	3.214	8.512	1.174	5.115	5.038
<b>IV. Thu viện trợ không hoàn lại</b>	<b>169</b>	<b>200</b>		<b>651</b>	
<b>B. Thu kết dư ngân sách</b>	<b>2.841</b>	<b>3.580</b>	<b>7.187</b>	<b>13.674</b>	<b>4.660</b>
<b>C. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>14.177</b>	<b>85.863</b>	<b>11.454</b>	<b>120.239</b>	<b>153.005</b>

Nguồn: báo cáo quyết toán ngân sách quận Cẩm Lệ từ năm 2006- 2010.

- Số liệu ở các biểu 2.8 trên cho thấy:

+ Các khoản thu theo từng sắc thuế chiếm tỉ trọng rất lớn, thuế GTGT năm 2006 là 6.278 triệu đồng thì đến năm 2009 là 24.938 triệu đồng và 2010 là 42.551 triệu đồng, tăng 2 lần so với năm 2009, bên cạnh đó còn có một số loại thuế như thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao đang được hình thành và chiếm một phần đáng kể, cụ thể năm 2009, 2010 thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao cho thấy được số lượng doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn quận ngày càng được mở rộng về quy mô.

+ Cũng chiếm một phần lớn trong nguồn thu là các loại thuế môn bài, thuế nhà đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất tăng đều qua các năm. Riêng năm 2009 thuế chuyển quyền sử dụng đất chỉ đạt 321 triệu đồng. Lý do nhà nước thay đổi chuyển sang tính thuế thu nhập cá nhân.

+ Số thu tiền sử dụng đất trên địa bàn quận chủ yếu là nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư. Bên cạnh đó quỹ đất thành phố quy hoạch để chuyển quyền sử dụng đất diễn ra nhanh chóng, công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng mạnh mẽ làm cho thị trường nhà đất thời gian qua hoạt động mua bán diễn ra đất sôi nổi cũng góp phần tạo nguồn thu chính từ lĩnh vực đất đai trên địa bàn quận.

+ Lệ phí trước bạ và các khoản thu về nhà đất có số thu tăng hàng năm nhưng với tốc độ thấp, năm 2007, 2008 trở đi số thu có tăng mạnh là do thành phố thay đổi về chính sách thu, một mặt do địa bàn quận được mở rộng và khối lượng dân có thu nhập cao di cư đến chiếm phần rất lớn, khối lượng đăng ký mua xe và nhà trở nên sôi nổi (một phần do thành phố phân cấp thêm nguồn thu về quận và do kết quả của đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị tạo ra).

+ Số thu các khoản phí, lệ phí khác đều tăng hàng năm, tuy tốc độ tăng qua các năm đồng đều và ổn định, dao động trong khoản từ 1-1,2%

năm. Nhưng kết quả này cũng cho thấy nguồn thu phí, lệ phí còn ít, mức thu thấp và chưa phù hợp với thực tế tình hình phát triển KT-XH của thành phố và quận.

+ Các khoản thu khác chủ yếu là thu phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực như: chống buôn lậu, an toàn giao thông, phạt xây dựng, thu thanh lý tài sản, thu ủng hộ ngân sách... đạt kết quả tương đối khá là do các lực lượng chức năng của quận đi đôi với tuyên truyền giáo dục đã tăng cường công tác kiểm tra xử phạt, xử lý nghiêm các vi phạm.

+ Số thu từ nguồn thu cho thuê đất và thanh lý tài sản qua các năm không đều nhau, cụ thể năm 2007, 2009 cao hơn là từ các doanh nghiệp thuê đất nhà nước 2 năm thanh toán một lần, mặt khác so với tỷ trọng về thuế và thu từ phí, lệ phí thì còn rất thấp, số thu còn chưa ổn định, đây là nguồn thu quận được hưởng 100% mặc dù chủ trương của quận tập trung khai thác hết lợi thế từ nguồn thu này.

+ Khoản thu về tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, thu công ích tại phường chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng thu NSNN quận và có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây, do sự đầu tư rất lớn về cơ sở hạ tầng, giao thông của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại và giao thương hàng hóa phát triển. Đây là chi tiêu giao về nhiệm vụ thu ngân sách quận được hưởng điều tiết 100% nhưng lại không đáng kể.

Nguồn thu của ngân sách quận tương đối ổn định, tuy nhiên cơ cấu nguồn thu chưa thật sự vững chắc, còn phụ thuộc rất lớn vào phân cấp của thành phố. Từ năm 2008 trở lại đây, nhằm tạo điều kiện cho ngân sách quận tự cân đối đảm bảo các khoản chi quản lý thành phố đã phân cấp thêm nhiều khoản thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh về Chi cục thuế quận quản lý thu thuế nên đã tạo thuận lợi nhất định cho quận trong việc chủ động cân đối, điều hành ngân sách. Đi sâu vào phân tích nguồn thu theo lĩnh vực ta thấy:



### **\* Trên lĩnh vực thu thuế**

Thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh là khoản thu chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu cân đối. Năm 2008 số thu 21.898 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 46,9% trên tổng thu cân đối, năm 2009 số thu 26.582 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 35,6% trên tổng thu cân đối, năm 2010 số thu 40.064 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 47% trên tổng thu cân đối. Số thu từ thuế năm 2010 gấp 2 lần năm trước theo số liệu thu ngân sách có thể nhìn nhận trên lĩnh vực đầu tư sản xuất kinh doanh thuộc khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn số lượng doanh nghiệp tăng rất lớn. Cụ thể trên từng sắc thuế:

**Thuế môn bài:** là thuế đăng ký kinh doanh được tính theo năm. Mức thuế được áp dụng theo số tuyệt đối và được phân biệt theo 2 nhóm: tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh cá thể. Đối với DN (tổ chức) thì mức môn bài được quy định từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ tùy theo vốn đăng ký. Mức thu đối với hộ kinh doanh cá thể được quy định theo 6 mức thu tùy theo mức thu nhập của hộ.

Thực hiện công tác thu thuế Môn bài theo tinh thần Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002. Nghị định của chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài áp dụng từ năm 2003 cho các tổ chức và hộ kinh doanh nộp thuế Môn bài. Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 hướng dẫn thực hiện nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của chính phủ về điều chỉnh mức thuế môn bài.

Tình hình thực hiện thu thuế môn bài qua các năm trên địa bàn quận, UBND quận, phường cũng như cơ quan thu luôn đặt vấn đề quan tâm đúng mức đầu tư cho công tác thu thuế Môn bài ngay từ những ngày đầu năm, xem nội dung công việc thu này như công tác ra quân đầu năm cần hoàn thành thắng lợi công tác thu, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đồng thời có kế hoạch phối hợp, hỗ trợ với UBND các phường triển khai thu đồng loạt các hộ kinh doanh trên địa bàn, trong các năm qua chỉ tiêu thu thuế môn bài luôn

hoàn thành vượt mức kế hoạch giao với thời gian ngắn nhất trong vòng 15 ngày của tháng 1. Mức thu thể hiện cụ thể với bảng biểu sau:

**Bảng 2.9: Tình hình thực hiện thu thuế môn bài từ năm 2006-2010**

*DVT: 1.000đ*

Năm		Số lượng DN, HTX số hộ KD cá thể	Thuế suất MB bình quân	Mức thuế phải huy động	Mức thu huy động vào NS
2006	DN	390	1.000	390.000	318.250
	Hộ cá thể	730	750	547.500	518.850
2007	DN	335	1.000 - 1.500	374.400	374.400
	Hộ cá thể	860	750	645.000	586.340
2008	DN	526	1.000-1.500	526.750	526.750
	Hộ cá thể	998	750	748.500	660.550
2009	DN	680	1.000-1.500	756.000	721.800
	Hộ cá thể	1.230	750	922.500	853.375
2010	DN	763	1.000-1.500	863.000	891.000
	Hộ cá thể	1.470	750	1.102.500	1.065.375

*Nguồn: số liệu do Chi cục thuế quận cung cấp.*

Năm 2006 thu 837 triệu đồng, năm 2010 số thu 1.956 triệu đồng tăng gấp 2 lần so với năm 2006 thể hiện số doanh nghiệp và hộ đăng ký kinh doanh trên địa bàn ngày càng tăng. Số liệu thu thuế Môn bài qua 5 năm, tương ứng với số liệu doanh nghiệp và hộ cá thể đăng ký kinh doanh trên địa bàn.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** là một loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của các Doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được tính bằng cách lấy thu nhập chịu thuế (bằng doanh thu trừ chi phí+các thu nhập khác) x thuế suất.

Thuế TNDN góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, được sử dụng để điều tiết thu nhập của các nhà đầu tư nhằm góp phần đảm bảo

công bằng xã hội, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập. Là một trong các nguồn thu quan trọng của NSNN, cao thứ hai sau thuế giá trị gia tăng và là công cụ có hiệu quả để Nhà nước thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô.

Căn cứ luật thuế thu nhập doanh nghiệp được quốc hội khoá XI thông qua ngày 17/6/2003.

Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 6/8/2004 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo thông tư 128/2003/TT-BTC hướng dẫn thi hành nghị định 164/2003/TT-BTC hướng dẫn thi hành NĐ 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của chính phủ qui định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo các văn bản qui định mức huy động thu nhập của Doanh nghiệp vào ngân sách với mức thuế suất năm 2006 là 28% đến năm 2009 trở đi mức thuế suất 25%, đồng thời các chế độ qui định việc thực hiện mức miễn, giảm, hoãn đối với các mặt hàng cần đẩy mạnh sản xuất phát triển, thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp mới ra sản xuất kinh doanh đối với vùng khó khăn, cũng như hoãn nộp thuế trong thời kỳ suy giảm kinh tế tạo điều kiện cho doanh nghiệp đứng vững trong lúc khó khăn.

Nguồn thu từ các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã được quản lý theo luật doanh nghiệp. Theo số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trên địa bàn, tổng nguồn vốn đăng ký kinh doanh tăng qua các năm tương ứng doanh thu tăng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn các năm về sau thấp hơn năm trước một phần do ảnh hưởng từ suy giảm kinh tế điều kiện kinh doanh khó khăn hơn. Song theo số liệu báo cáo với mức lợi nhuận doanh nghiệp sau thuế trên địa bàn thì khoản huy động đóng góp vào ngân sách địa phương là quá thấp. Lợi nhuận của các doanh nghiệp, tình hình thu nộp được thể hiện

qua bảng sau:

**Bảng 2.10: Tình hình thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Đvt: triệu đồng.*

<b>Năm</b>	<b>Lợi nhuận các doanh nghiệp</b>	<b>Thuế suất</b>	<b>Mức thuế phải nộp</b>	<b>Số thu thuế TNDN</b>
2006	16.542	28%	4.631	4.277
2007	16.227	28%	4.543	4.167
2008	25.104	25%	6.276	6.098
2009	14.464	25%	3.616	1.842
2010	17.293	25%	4.323	3.130

*Nguồn: Số liệu theo báo cáo ngành thống kê quận Cẩm Lệ.*

Theo số liệu đăng ký vốn kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn từ năm 2006-2010, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt bình quân từ 1,5% - 2,5%, mức lợi nhuận như trên rất thấp, một phần do đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn rất khó khăn, hơn nữa các doanh nghiệp kê khai chi phí đầu vào rất cao nên mức lợi nhuận như trên là con số rất khiêm tốn so với năng lực doanh nghiệp. Chênh lệch số thuế phải nộp và số thu nộp vào ngân sách quận do đơn vị chưa thực hiện nghĩa vụ thuế, được chuyển vào nợ tồn đọng qua các năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hộ đăng ký kinh doanh, được quản lý theo mức ấn định thuế khoán. Số thu năm 2006 là: 518 triệu đồng, năm 2008 là 660 triệu đồng (năm 2008 do chính sách miễn giảm mức thu đối với hộ kinh doanh nhỏ lẻ), năm 2010 là: 1.065 triệu đồng, có mức thu nhập thấp không phải đóng thuế thu nhập). Với số vốn đăng ký kinh doanh các hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ lệ chưa bằng 10% mức vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã.

Thu từ sản xuất kinh doanh các hộ kinh doanh cá thể: do các đội thuế

phường phối hợp với cán bộ uỷ nhiệm thu của phường thực hiện công tác thu. Số thu từ lĩnh vực này tăng dần qua các năm. Số thu trên các loại thuế so với vốn kinh doanh đảm bảo theo qui định. Thực hiện thu trên lĩnh vực này do không theo dõi được doanh thu thực tế nên các đội thuế phối hợp cùng lãnh đạo uỷ ban nhân dân cấp phường thực hiện theo hình thức khoán thu tuỳ theo mức độ kinh doanh của từng hộ và số thu của các hộ trên các sắc thuế theo tỷ lệ phân chia cho ngân sách cấp Trung ương phần còn lại ngân sách cấp phường được hưởng.

Ngoài ra trên địa bàn quận, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh với qui mô lớn khai thác nguồn tài nguyên, khoán sản, du lịch theo phân cấp cơ quan Cục thuế thành phố quản lý thu với mức thuế thu nhập hàng năm trên 10 tỷ đồng.

Nhìn vào thực lực doanh nghiệp theo mức vốn kinh doanh thì doanh thu các doanh nghiệp kê khai chưa phản ánh hết số doanh thu thực chất của đơn vị (Doanh thu nhỏ hơn vốn kinh doanh), mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn lại rất thấp do cơ quan thuế quản mức lợi nhuận theo kê khai, không chú trọng phân tích đánh giá tỷ lệ tương quan giữa vốn và lợi nhuận, doanh nghiệp đưa chi phí đầu vào quá cao, hoá đơn chứng từ thì hợp pháp song so với định mức, hoặc tỷ lệ cho phép đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, chi khác không phù hợp. Doanh nghiệp tự kê khai mức thuế phải nộp, khâu kiểm tra của cơ quan thuế chưa được thường xuyên do lực lượng cán bộ quá ít chi đảm bảo công tác thu hơn nữa trình độ một số cán bộ ngành thuế chưa nắm vững, am hiểu tường tận luật Doanh nghiệp, kế toán doanh nghiệp, chưa đọc được báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Song bên cạnh đó về các văn bản pháp luật đối với hoạt động doanh nghiệp còn nhiều khoản trống, và cơ bản là mức huy động thuế suất quá cao không khuyến khích các kê khai doanh số đầy đủ cũng như hiệu quả về sản xuất của đơn vị.

**Thuế Giá trị gia tăng:** là một loại thuế tiêu dùng, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh ở từng khâu trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Giá trị gia tăng (GTGT) là phần giá trị mới được tạo ra trong sản xuất kinh doanh. Nó được xác định bằng chênh lệch giữa tổng giá trị sản xuất và tiêu thụ với tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng. Thuế GTGT phải nộp ở mỗi giai đoạn được tính bằng cách lấy số thuế GTGT đầu ra (tính được bằng cách lấy thuế suất x giá hàng hoá dịch vụ bán ra) trừ số thuế GTGT đầu vào (tính được bằng cách lấy thuế suất x giá hàng hoá dịch vụ mua vào). Thuế GTGT là công cụ có hiệu quả trong việc động viên nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Các văn bản thực thi luật thuế GTGT bao gồm:

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 07/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Thông tư số 32/TT-BTC ngày 9/4/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Theo đó qui định cụ thể đối tượng chịu thuế, mức thuế suất từ 0% - 10% cho từng ngành hàng cụ thể.

Năm 2009 thực hiện thu thuế Giá trị gia tăng theo luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, theo đó chính phủ ban hành Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008. Bộ Tài chính ban hành thông tư 129/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành nghị

định của chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT.

Theo các văn bản chế độ thực hiện thu thuế GTGT, mức thuế suất có tính đến ưu đãi đối với mặt hàng nông lâm thủy sản, hàng xuất khẩu. đối với vùng nông thôn trên địa bàn quận, chính sách ưu đãi tạo điều kiện khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo đó tạo điều kiện tốt cho người dân tăng đầu tư trên lĩnh vực sản xuất. Bên cạnh, một số mặt hàng thuế suất 10% thuộc nhóm hàng sử dụng hàng ngày cho nhu cầu sinh hoạt, làm việc với mức thuế suất như trên chưa khuyến khích người dân tiêu dùng nâng cao mức sống.

Khoản thuế này đối với hoá đơn đầu ra được doanh nghiệp kê khai đầy đủ mức thuế suất cho từng loại hàng hoá được qui định rõ ràng, nên đối với khoản thu này doanh nghiệp đã viết hoá đơn là phải nộp thuế giá trị gia tăng vào ngân sách theo qui định. Song vấn đề đặt ra đối với nội dung thu này là đối với khách hàng có yêu cầu xuất hoá đơn thì doanh nghiệp mới xuất, còn đối với khách hàng là tư nhân, hộ gia đình thường không có thói quen lấy hoá đơn nhằm tránh bớt một phần phải đóng thuế Giá trị gia tăng. Vì vậy mới có tình trạng qui mô doanh nghiệp, vốn đăng ký kinh doanh lớn song doanh thu lại không tương xứng.

Bên cạnh đó còn một số mảng kinh doanh như vận tải tư nhân, xây dựng nhà tư nhân chưa được cơ quan thuế đưa vào diện quản lý thu, chưa đề xuất được phương thức huy động nguồn thu này vào ngân sách. Trong khi quá trình đô thị hoá ngày càng diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn thì trên lĩnh vực xây dựng nhà và vận tải rất phát triển.

**Thuế tài nguyên:** là loại thuế đánh vào tài nguyên thiên nhiên khai thác được. Thuế này được tính bằng cách lấy số lượng tài nguyên thực tế khai thác x Giá tính thuế đơn vị tài nguyên x Thuế suất.

Thuế tài nguyên là công cụ để quản lý, kiểm soát, hướng dẫn, điều tiết các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên của đất nước, bảo vệ môi trường sinh thái và động viên một phần thu nhập cho NSNN.

- Chính sách thuế của Nhà nước từ năm 2006 đến nay:

Pháp lệnh thuế Tài nguyên (sửa đổi) số 051/998/PL-UBTVQH10 ngày 10/4/1998.

Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 3/9/1998 của chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế Tài nguyên (sửa đổi).

Nghị định của chính phủ số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 68/1998/NĐ-CP ngày 3/9/1998 của chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế Tài nguyên (sửa đổi).

Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/4/ 2004 hướng dẫn thi hành nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 3/9/1998 của chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế Tài nguyên (sửa đổi) và Nghị định của chính phủ số 147/2006/NĐ-CP ngày 10/12/2006 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP nêu trên.

Luật thuế Tài nguyên được quốc hội khoá 12 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2009.

Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Tài nguyên.

Thông tư 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên

Trên lĩnh vực thu từ sản xuất của địa bàn quận như phân đặc điểm vị trí, tài nguyên thì quận Cẩm Lệ là nơi cung cấp nguồn tài nguyên từ đất, đá, cát, sạn xây dựng, nguồn nước sạch... cho toàn địa bàn thành phố. Các doanh



nghiệp, tổ chức khai thác tài nguyên trên địa bàn, được sở tài nguyên cấp phép khai thác, với mức công suất khai thác hằng năm được qui định.

Thuế tài nguyên là loại thuế thu vào hành vi khai thác khai thác tài nguyên thiên nhiên của cá nhân, tổ chức. Hành vi khai thác tài nguyên thiên nhiên là hoạt động pháp lý làm phát sinh thuế tài nguyên. Việc thu thuế tài nguyên dựa trên cơ sở pháp lý là pháp lệnh thuế tài nguyên năm 1998 và pháp lệnh sửa đổi bổ sung thuế tài nguyên năm 2008. Theo đó, mức thuế suất có biên độ rộng giữa mức thuế suất sàn và thuế suất trần, giá tính thuế được qui định theo Điều 5 pháp lệnh thuế tài nguyên năm 1998 là “tại nơi khai thác”, với qui định giá bán tại nơi khai thác không rõ ràng gây nhiều tranh cãi trong quá trình thực hiện thu tại địa phương.

Hơn nữa, phần thu từ thuế tài nguyên trên địa bàn chỉ quản lý thu đối với các doanh nghiệp nhỏ đăng ký thuế trên địa bàn, các doanh nghiệp khai thác nguồn tài nguyên đăng ký thuế nơi nào thì đóng thuế nơi đó. Vì vậy dẫn đến tình trạng, nguồn tài nguyên khai thác trên địa bàn các nơi diễn ra việc khai thác không có người quản lý trực tiếp, nguồn sản lượng khai thác kê khai đóng thuế không đúng với sản lượng khai thác thực tế, còn địa phương nơi diễn ra khai thác thì địa hình sau khai thác nham nhở, dễ bị sạt lở nếu có thiên tai bão lũ, môi trường bị ô nhiễm nặng nề người dân phải gánh chịu, tình trạng mất an ninh trật tự diễn ra phức tạp đặt gánh nặng lên vai chính quyền địa phương. Trên địa bàn quận, các phường tập trung nguồn tài nguyên lớn bao gồm các xã Hòa Xuân, Hòa Phát, Hoà Thọ Tây với trữ lượng lớn về đá xây dựng, đất đồi, đất sét..., hệ thống nước đầu nguồn đang có đơn vị đầu tư khai thác nước sinh hoạt với công suất lớn, việc bố trí nhiệm vụ chi theo định mức nên gần như ở phường rất khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

**Bảng 2.11: Tình hình khai thác tài nguyên trên địa bàn quận hàng năm  
(từ năm 2006 - 2010)**

*Đvt: 1.000 đồng.*

Stt	Tên sản phẩm khai thác	Sản lượng khai thác	Đơn giá tính thuế	Thành tiền	Mức thuế phải nộp
1	Đá xây dựng	973.700m <sup>3</sup>	120	116.844.200	3.505.326
2	Đất đồi	1.824.000m <sup>3</sup>	9	16.416.000	656.640
3	Đất sét	982.000m <sup>3</sup>	45	3.960.000	158.400
4	Cát xây dựng	1.095.000m <sup>3</sup>	36	39.420.000	1.576.800
	<b>Tổng cộng</b>				<b>5.887.166</b>

*Nguồn: Sản lượng khai thác theo số liệu của Sở tài nguyên- Môi trường, đơn giá tính thuế thực hiện theo quyết định của UBND Thành phố Đà Nẵng ban hành.*

Mức thu hằng năm thể hiện trên báo cáo thu như đã nêu, hàng năm số thực nộp về thuế tài nguyên với mức phải nộp chênh lệch rất xa, thể hiện chưa có sự quản lý thống nhất giữa cơ quan cấp giấy phép và cơ quan thu nên dẫn đến thất thu ngân sách trên lĩnh vực này hàng năm lên đến vài tỷ đồng, con số thu được chỉ bằng 1/3 mức phải thu.

**Thuế nhà đất:** Để tăng cường quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và sử dụng nhà ở, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm phù hợp với Luật đất đai, động viên sự đóng góp của chủ sở hữu nhà và người sử dụng nhà, đất vào ngân sách nhà nước.

Thực hiện công tác thu theo pháp lệnh thuế nhà đất chính phủ ban hành nghị định 94/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh thuế nhà đất, thông tư số 71/2002/TT-BTC ngày 19/8/2002 sửa đổi bổ sung thông tư 83/TC-BTC ngày 7/10/1994 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 94/NĐ-CP ngày 25/8/1994 của chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế nhà đất.

Đối với nội dung thu này, các địa phương có kế hoạch vận động thu từ các tổ chức sử dụng đất, nhân dân trên địa bàn, các hộ phát sinh giao đất mới hằng năm đến tận các tổ ngay từ đầu năm, bên cạnh đó có tính đến việc miễn giảm cho các hộ nghèo, khó khăn. Đây cũng là nội dung rất khó thu, song công tác tuyên truyền tạo nhận thức về nghĩa vụ của công dân nên chi tiêu thu này luôn hoàn thành vượt mức dự toán giao đầu năm, hơn nữa chi tiêu thu này được để lại 100% số thu cho địa phương nên UBND cấp phường phân đấu tăng thu.

Thu nhà đất năm 2006, số thu là 1.065 triệu đồng thì số thu năm 2010 là 1.964 triệu đồng, mức giá đất trên địa bàn tương đối ổn định qua các năm, mức tăng bình quân hằng năm khoản 5-10%. Diện tích sử dụng đất cho đất ở ngày càng tăng do quá trình đô thị hoá, các dự án của thành phố san lấp chuyển đất ruộng, vườn đồi san đất ở để bố trí tái định cư cho nhân dân có diện tích đất ở bị thu hồi.

Thu chuyển quyền sử dụng đất: số thu năm 2006 là: 2.611 tỷ đồng, số thu năm 2008 là: 10.664 tỷ đồng. Đến năm 2009 Nhà nước huỷ bỏ khoản thu này và khoản thu thuế thu nhập cá nhân được triển khai thực hiện.

***Các sắc thuế khác:***

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế tiêu dùng, đánh vào một số hàng hoá dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước qui định, được tính căn cứ vào giá cả và thuế suất (giá tính thuế là giá chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt). Đối với hàng nhập khẩu, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt là nguồn thu quan trọng của NSNN, là công cụ quan trọng thực hiện mục đích hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ được coi là đặc biệt, thực hiện tái phân phối thu nhập của các tầng lớp có thu nhập cao, đảm bảo công bằng xã hội.

Đối với các khoản thuế nông nghiệp, thuế xuất nhập khẩu: thuế nông nghiệp trên địa bàn được thực hiện theo chính sách miễn giảm của thành phố tạo điều kiện cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phát triển, thuế xuất nhập khẩu hàng hoá các đơn vị sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực này trên địa bàn quận thuộc Cục thuế quản lý. Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn được thực hiện chủ yếu thông qua việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản theo thuế suất qui định.

**Thuế thu nhập cá nhân:** Được thực hiện theo Luật thuế thu nhập cá nhân của Quốc hội khoá XII kỳ họp thứ 2, số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007. Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ qui định một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân. Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành nghị định 100/2008/NĐ-CP về thi hành luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản sửa đổi.

Thực hiện công tác thu trên lĩnh vực này trên địa bàn quận được bắt đầu thực hiện từ năm 2009, số thu chủ yếu từ việc điều tiết thu nhập từ các hộ chuyển nhượng đất đai. Năm 2009 thu được 8.421 triệu đồng đạt 148% dự toán giao.

#### **Tình hình nợ đọng thuế ở quận Cẩm Lệ**

Tình hình nợ đọng thuế qua các năm trên lĩnh vực thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, tình hình nợ đọng thuế trên địa bàn đối với các doanh nghiệp và cả hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn. So với số thu trên lĩnh vực này gần như nợ đọng chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Các doanh nghiệp nói chung tình trạng thanh toán công nợ, tính thanh khoản của các đơn vị kinh doanh không cao do nợ nần trong kinh doanh của đơn vị, hơn nữa phát sinh nợ lớn trên lĩnh vực này của một số đơn vị do Cục thuế quản lý, khi đơn vị phát sinh nợ quá lớn lại đẩy đơn vị về cho quận (huyện) quản lý. Bên cạnh đó còn tình trạng Cơ quan thuế giữ số thu tại đơn vị khi chỉ tiêu thu đã đạt so với

dự toán năm được giao, nhằm tránh số thu cao vào năm sau.

**Bảng 2.12: Tình hình nợ đọng thuế qua các năm**

*Đvt: 1000đ.*

Stt	Sắc thuế	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Thu nhập doanh nghiệp	354.700	379.000	178.000	1.774.000	3.877.000
2	Thuế GTGT	1.161.500	4.579.000	7.002.000	8.420.000	5.411.000
3	Thuế Tài nguyên	176.200	293.000	860.000	2.524.000	1.524.000
4	Phí Bảo vệ MT		960.000	1.371.000	2.002.000	1152.000
5	Phạt chậm và xử lý		1.573.000	2.115.000	1.995.000	1.405.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.692.400</b>	<b>7.784.000</b>	<b>11.526.000</b>	<b>17.715.000</b>	<b>13.369.000</b>

*Nguồn: Số liệu từ Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.*

Tỷ lệ nợ đọng thuế so với mức thu trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh, năm 2006: chiếm 11,2%, năm 2007: chiếm 39,25%, năm 2010 chiếm 28,76%. Tỷ lệ nợ đọng thuế tồn tại qua các năm, thể hiện các doanh nghiệp chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước để tăng vốn sản xuất kinh doanh. Ý thức về chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của các doanh nghiệp chưa cao, hơn nữa chế tài xử phạt chậm với mức thấp hơn mức lãi suất vay ngân hàng nên doanh nghiệp để tình trạng nợ dây dưa kéo dài, có đơn vị nợ quá lớn, khi sản xuất kinh doanh không được thuận lợi không có khả năng thanh toán nên dẫn đến tình trạng phải tiến hành cưỡng chế, tịch biên tài sản để thu hồi nợ thuế.

Ngoài các văn bản thực hiện thu trên các sắc thuế, Nhà nước ban hành Luật Quản lý thuế được Quốc hội khoá XI kỳ họp khoá 10 thông qua (số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006). Nghị định của chính phủ số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế. Nghị định này qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế, phí lệ phí, tiền thuê đất, thuê mặt nước,

tiền sử dụng đất, thu từ khai thác tài nguyên khoáng sản và các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế thu theo qui định của pháp luật.

Chính sách về hiện đại hoá quản lý thuế, xây dựng lực lượng quản lý thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế được qui định tại các văn bản qui phạm pháp luật khác.

Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/ 2007, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định 85/2007/NĐ-CP.

**\* Công tác quản lý thu phí và lệ phí**

Thực hiện thu trên lĩnh vực này bao gồm các nội dung thu:

***Bảng 2.13: tình hình thu ngân sách theo từng loại phí, lệ phí***

*Dvt: Triệu đồng*

NỘI DUNG	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
<b>II. Các khoản phí, lệ phí</b>	<b>5.006</b>	<b>9.141</b>	<b>12.199</b>	<b>18.804</b>	<b>26.434</b>
15. Lệ phí trước bạ	3.902	8.314	11.193	15.774	22.290
16. Phí xăng dầu				3	
17. Các loại phí, lệ phí khác	1.104	827	1.005	3.027	4.143
- <i>phí thẩm định CQ SDD</i>	85	82	92	86	107
- <i>Phí thẩm định đa đầu tư</i>	6	9	7	9	44
- <i>Lp đăng ký giao dịch bảo đảm</i>	92	118	77	110	81
- <i>Lp công chứng</i>	39	177	238	242	25

*Nguồn: báo cáo quyết toán ngân sách quận Cẩm Lệ từ năm 2006 đến 2010.*

**Lệ phí trước bạ:** các tài sản qui định phải chịu lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm tăng cường sự quản lý của Nhà nước, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sở hữu, sử dụng tài sản và huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Theo qui định luật ngân sách được ưu tiên để lại 100% cho ngân sách cấp quận, là khoản thu phân chia giữa quận và phường, được để lại cho phường là 70% mức thu được.

Thực hiện nội dung thu này theo tinh thần Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12/5/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung điều 6 nghị định 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ. Thông tư hướng dẫn số 99/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định 47/2003/NĐ-CP.

Khoản thu này trong thời gian qua thực hiện theo đăng ký quyền sở hữu tài sản. Theo qui định của luật ngân sách đây là chi tiêu thu được để lại tối thiểu phần được hưởng cho các phường là 70% nhằm tạo nguồn chủ động cho ngân sách cấp phường theo đó được sử dụng nguồn tăng thu để đầu tư, sửa chữa mua sắm tài sản trang bị phương tiện làm việc. Địa phương trong thời gian qua do trong quá trình đô thị hoá, hoạt động mua bán tài sản đất diễn ra sôi động, mua sắm đầu tư tài sản do chuyển đổi ngành nghề nên số thu tăng cao qua các năm.

- Các văn bản làm cơ sở cho việc thu phí, lệ phí:

Thực hiện thu phí và lệ phí căn cứ theo pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28/8/2001.

Căn cứ theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí. Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 6/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP.

Căn cứ thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư 63/2002/TT-BTC. Căn cứ thông tư 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố đã trình Hội đồng nhân dân thông qua các khoản thu phí và

lệ phí trên địa bàn thành phố. Với mục đích thu phí là nhằm trang trải các chi phí thực hiện việc cung cấp dịch vụ, cho nên cần phải có mức thu phí phải tính đúng, tính đủ nhằm đảm bảo thực thi công việc một cách hiệu quả, nhanh chóng.

Trên địa bàn quận cần quan tâm đến lĩnh vực thu phí bảo vệ môi trường, nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp các hoạt động khai thác tài nguyên đến đất, nước, môi sinh môi trường tại khu vực diễn ra khai thác. Đây chính là hoạt động phát sinh có tác động xấu đối với môi trường. Chính vì vậy, chủ thể tiến hành khai thác khoáng sản trở thành đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường theo Điều 113 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà các tổ chức, cá nhân khi được phép khai thác phải nộp thực chất là số tiền họ phải đóng cho Nhà nước để nhận được sự cung cấp dịch vụ từ phía Nhà nước, đó là những hoạt động nhằm bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản mà đáng lẽ ra những hoạt động này phải do chính các chủ thể khai thác khoáng sản phải thực hiện, nhưng Nhà nước phải đứng ra thực hiện thay cho họ. Phí bảo vệ đối với khai thác khoáng sản là nguồn tài chính được sử dụng với mục đích nhằm bù đắp những thiệt hại, tổn thất và các tác động xấu do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra cho môi trường tại khu vực diễn ra hoạt động này (Số liệu về thu trên lĩnh vực này thể hiện trong báo cáo thu trên địa bàn).

Công tác thu này nhằm thu một phần chi phí phục vụ thực hiện các nội dung về đảm bảo tính pháp lý cho người dân trên các lĩnh vực, ngoài ra ngân sách nhà nước hỗ trợ thêm để thực thi nhiệm vụ này. Số thu năm 2006 là 44 triệu đồng, năm 2009 số thu trên lĩnh vực này 289 triệu đồng tăng thu gấp 7 lần so với năm 2006, số thu chủ yếu từ lĩnh vực này là thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn.

Thực hiện chỉ tiêu thu này trong những năm qua quận luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu này. Đây là khoản thu nhỏ lẻ đòi hỏi địa phương cấp ngân



sách quận, phường phải quan tâm đúng mức nhằm khai thác tốt nguồn thu. Trên lĩnh vực này mức thu lệ phí cho các dịch vụ hoạt động phục vụ nhu cầu nhân dân song mức thu các loại lệ phí quá thấp nên dẫn đến tư tưởng không quan tâm nguồn thu, cán bộ Nhà nước phục vụ trên lĩnh vực này thường còn có thái độ phục vụ chưa tốt, tiêu cực, những nhiễu thường phát sinh. Khoản thu phí bảo vệ môi trường luôn đạt cao nhưng lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu thu phí và lệ phí, do giao chỉ tiêu thu không sát sản lượng khai thác thực tế, khoản thu hàng năm đều vượt từ 1,5 đến 2 lần chỉ tiêu giao. Song thu trên lĩnh vực này vẫn còn tình trạng thất thu do một số các doanh nghiệp khai thác tại địa bàn quận nhưng khi kê khai nộp thuế thì kê khai nơi đăng ký thuế (khác địa phương), hơn nữa nguồn thu giao cho địa phương quản lý thu, nguồn được hưởng thì lại điều tiết tỷ lệ % về ngân sách thành phố. Thực hiện công tác thu chưa gắn liền với khoản thu được hưởng nên chưa tạo được động lực thu đối với cơ quan thu như Chi cục thuế quận, các phường khi được giao chỉ tiêu thu này (đối với hộ kinh doanh khai thác khoán sản), một số phường còn chưa thật quan tâm. Chính tình trạng này dẫn đến nguồn tài nguyên trên địa bàn bị khai thác cạn kiệt, vai trò quản lý nhà nước không được thể hiện, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng người dân trên địa bàn phải gánh chịu. UBND thành phố, các sở ngành liên quan bằng nhiều biện pháp quan tâm cho công tác đầu tư thu gồm chất thải, giảm bớt nạn ô nhiễm trên lĩnh vực này nhưng vẫn còn chưa triệt để.

**Các khoản thu khác:** Ngoài các khoản thu do cơ quan thuế quản lý thu hoặc thông qua cán bộ uỷ nhiệm thu theo qui định của luật thuế, pháp lệnh về phí và lệ phí. Nhiệm vụ của ngân sách các cấp còn phải quan tâm chú trọng những nguồn thu huy động tại địa phương xuất phát từ nguồn tài nguyên, chuyển giao mục đích hoặc cho thuê đất trên địa bàn, cũng như khai thác nguồn thu sự nghiệp, bến bãi, hoa lợi công sản, thu phạt tịch thu, các khoản huy động đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Cụ thể các nội dung thu

trên các lĩnh vực như sau:

*- Các khoản thu từ hoạt động kinh tế, thu hoạt động sự nghiệp...*

Do thực hiện cơ chế phân cấp trong quản lý nhà nước, UBND cấp quận thực hiện quản lý đối với loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh, cũng như các lĩnh vực thu từ hoạt động sự nghiệp kinh tế trên lĩnh vực nông nghiệp, xã hội hoá trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế khoản thu rất nhỏ không đáng kể, các đơn vị quản lý trực tiếp trên lĩnh vực ngành thực hiện khoản thu được để lại cho đơn vị phục vụ cho chính việc thực hiện nhiệm vụ đó. UBND các cấp địa phương đã bắt đầu quan tâm đến nguồn thu này.

*- Tiền bán hoặc cho thuê tài sản, tài nguyên.*

Trên địa bàn quận với diện tích tương đối rộng, diện tích đất phi nông nghiệp phù hợp cho việc đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, hình thành nên các khu công nghệ để thu hút các đơn vị đến đầu tư trên địa bàn. Xong thời gian qua theo phân cấp quận chỉ được phép cho thuê mặt bằng sản xuất cũng như mặt đất, mặt nước đối với các hộ kinh doanh nhỏ, cá thể nên khoản thu này phát sinh không lớn. Hơn nữa mức thu vào ngân sách đối với nội dung này rất thấp, chủ yếu tạo điều kiện về mặt bằng khuyến khích các hộ ra đầu tư.

*- Thu khác ngân sách bao gồm các khoản thu từ phạt, tịch thu, tịch biên tài sản.*

Nội dung thu trên lĩnh vực này chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực quản lý thị trường, là cửa ngõ ra vào của hai đầu thành phố nên các mặt hàng cấm lưu hành trên địa bàn tương đối nhiều. Kiểm tra kiểm soát các lực lượng chức năng trên lĩnh vực này đảm bảo ổn định thị trường đồng thời tạo ra nguồn thu cho ngân sách.

Các khoản thu phạt từ lĩnh vực giao thông, vi phạm hành chính, gây rối mất trật tự an ninh cũng đem lại nguồn thu tương đối lớn phục vụ lại cho chính nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội.

Các khoản thu từ đóng góp của người dân đầu tư xây dựng kết cấu hạ

tầng. Khi được chủ trương cho phép của thành phố, UBND cấp quận lập phương án đầu tư trình UBND thành phố quyết định. Trong thời gian qua trên địa bàn thực hiện phương thức huy động này trên các lĩnh vực như giao thông, đầu tư cơ sở hạ tầng các khu dân cư nhỏ, theo phương thức này góp phần hình thành nên các khu dân cư mới, khớp nối hệ thống giao thông thôn xóm, các trung tâm thương nghiệp nhỏ... góp phần thay đổi diện mạo của địa phương.

Các khoản huy động đóng góp tự nguyện, hoặc thu ủng hộ ngân sách, do nội dung khoản thu không qui định rõ chi tiết nên một số phường đã tranh thủ khoản này đặt ra vấn đề huy động thu khác cho ngân sách. Các phường thường hay đặt ra mức huy động đóng góp của các cá nhân đến quan hệ trong việc làm thủ tục, mua bán chuyển quyền sử dụng đất “đề nghị” ủng hộ cho ngân sách. Một số phường vẫn còn tình trạng huy động vốn đóng góp của nhân dân, hoặc thu các quỹ song không thực hiện nộp vào tài khoản ở kho bạc, lại sử dụng khoản tiền đó vào các nhiệm vụ chi phát sinh tại địa phương sau đó không có nguồn để hoàn trả lại, có địa phương dẫn đến thâm hụt ngân sách, báo cáo số thu không đúng theo qui định.

#### **\* Thu từ bên ngoài quận**

Thu do NSNN thành phố bổ sung: với cơ chế phân cấp nguồn thu còn hạn chế phần thu tại quận được hưởng chỉ mới đáp ứng từ 30- 35% nhiệm vụ chi ngân sách trên địa bàn. Nên phần thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu có tính quan trọng để đảm bảo kịp thời thực hiện nhiệm vụ chi.

Thu từ nhận viện trợ và trợ giúp trong và ngoài nước: Trong thời gian qua thu từ nhận viện trợ và trợ giúp các tổ chức đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài địa phương với số thu tương đối lớn giúp cho quận thực hiện được các nội dung thực hiện chính sách an sinh xã hội, nâng cao năng lực cộng đồng, chuyển giao khoa học công nghệ trên lĩnh vực phát triển trồng trọt, chăn nuôi. Ngoài ra từ nguồn vốn này giúp cho nhân dân trên địa bàn khắc phục thiên tai bão lũ xây dựng lại hàng trăm ngôi nhà bị tàn phá sau bão. Các công trình nhà

phòng chống thiên tai, một số nhà họp cộng đồng, trường học cũng được đầu tư từ nguồn vốn này. Tuy nhiên, phần lớn nguồn thu này lại được ghi nhận ở cấp thành phố và trao tay trực tiếp là chủ yếu nên không được phản ánh kịp thời vào quá trình ghi thu, ghi chi ngân sách cấp quận.

**\* Thu kết dư ngân sách**

Bên cạnh các khoản thu từ sau điều tiết trên địa bàn, nguồn thu được bổ sung từ ngân sách cấp trên thì ngân sách cấp quận, phường được kết chuyển 100% số thu từ kết dư ngân sách năm trước. Khoản thu này thể hiện trong năm tài chính hiện hành, nguồn thu mà ngân sách cấp quận đã nỗ lực trong công tác khai thác nguồn thu, thực hiện tiết kiệm chi và đảm bảo cân đối được nguồn tài chính trong năm để có số dư chuyển sang năm sau, chủ động thực hiện được các nhiệm vụ của địa phương ngoài phần dự toán được phân bổ, hầu hết các phường trên địa bàn từ khi áp dụng luật ngân sách mới đến cuối năm đều có số kết dư chuyển năm sau.

**\* Các khoản thu ngân sách quận được hưởng**

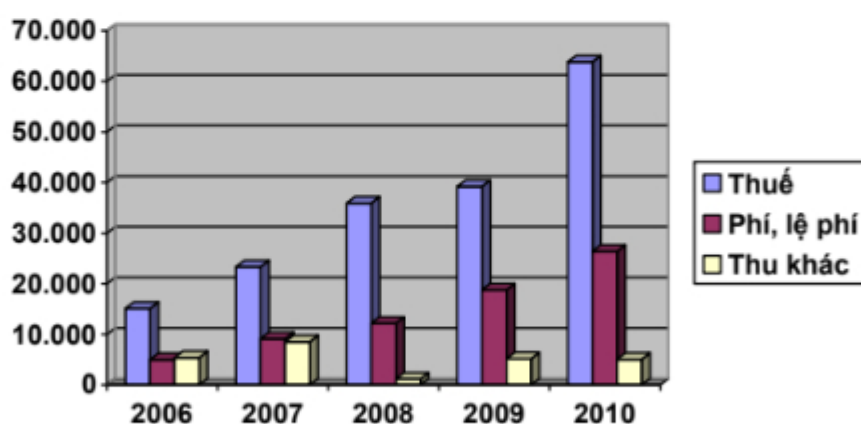
Theo qui định của HĐND cấp thành phố đối với các khoản thu nêu trên, ngân sách quận được hưởng các khoản thu theo các loại như sau:

Các khoản thu được hưởng 100%: Với các khoản thu này ngân sách quận được sử dụng toàn bộ để chủ động về nguồn tài chính đảm bảo cho các nhiệm vụ chi. Căn cứ vào qui mô nguồn thu, chế độ về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội và nguyên tắc đảm bảo tối đa nguồn tại chỗ cân đối cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, khi phân cấp nguồn thu HĐND cấp thành phố đã xem xét dành cho ngân sách quận được hưởng các khoản thu cụ thể: phí và lệ phí, thu khác ngân sách theo qui định của pháp luật, thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức cá nhân, các khoản huy động đóng góp của các tổ chức cá nhân, huy động đóng góp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách.

Các khoản thu phân chia tỷ lệ % giữa các cấp ngân sách: lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu từ thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương, thành phố, quận và phường). Các khoản thu khác do quận quản lý thu song lại được điều tiết về ngân sách thành phố, cụ thể bao gồm các khoản thu:

Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn có qui mô lớn - số vốn đăng ký trên 30 tỷ đồng lại thuộc về thành phố quản lý. Khoản trên 20 doanh nghiệp kinh doanh trên các lĩnh vực khai thác tài nguyên, dịch vụ du lịch... Ngoài ra còn một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận, song trụ sở chính nơi đăng ký kinh doanh tại các quận nội thành nên số thu thuộc các quận nơi doanh nghiệp đã đăng ký.

Số thu từ tiền sử dụng đất phân cấp cho quận thu, cũng như các dự án trên địa bàn quận có khai thác thu tiền sử dụng đất. Mỗi năm trên địa bàn quận có khoản trên 30 dự án. Các khoản thu về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường phân cấp cho quận thu cũng được điều về ngân sách thành phố.



***Biểu đồ 2.2: Phát triển các nguồn thu trên địa bàn qua các năm***

Trên đây là kết quả thực hiện của quận Cẩm Lệ trong những năm qua đã đạt nhiều kết quả khả quan trong công tác quản lý thu ngân sách. Quận đã

luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu được giao, năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo nguồn lực tài chính để quận hoàn thành nhiệm vụ kinh tế chính trị thành phố giao hàng năm, thực hiện thắng lợi các Nghị quyết về phát triển KT-XH của quận do Đại hội Đảng bộ quận lần thứ I đề ra.

***Nguyên nhân đạt được thành tựu trong công tác thu***

*Một là*, do đường lối chủ trương đúng đắn của Nhà nước và của thành phố: luôn có các chính sách để mọi thành phần kinh tế được phát triển sản xuất, Nhà nước quan tâm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, quan tâm đầu tư về kết cấu hạ tầng, giao thông thông suốt trên tất cả các vùng miền tạo điều kiện tiền đề cho sản xuất phát triển.

*Hai là*, sự quan tâm lãnh đạo các cấp chính quyền: tạo ra môi trường bình đẳng trong kinh doanh, thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại, tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành nghĩa vụ người công dân trên các lĩnh vực. Quan tâm chú trọng phát triển các ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, khi nền kinh tế có dấu hiệu suy giảm do ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu, Nhà nước có chính sách hỗ trợ lãi suất vay bảo đảm cho các doanh nghiệp trụ vững được sản xuất giải quyết việc làm cho lao động vượt qua giai đoạn khó khăn, thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn hoãn một số sắc thuế nhằm giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp...

Nguồn thu bổ sung của ngân sách cấp trên ổn định và cơ chế cấp phát kịp thời, công khai đã giúp cho quận chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, bố trí được nhiệm vụ chi phù hợp theo thời điểm nhằm sử dụng nguồn vốn mang lại hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Chính sách thuế ngày càng cải tiến phù hợp với thông lệ quốc tế, hạ mức thuế suất đối với một số sắc thuế, cũng như cải cách hành chính trong

phương thức quản lý kê khai và nộp thuế, nhằm đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Việc thanh toán tiền hàng hoá cũng như tiền thuế qua ngân hàng cũng đã được thực hiện, đây là nội dung nhằm tăng cường tính minh bạch của ngành thuế. Tinh thần trách nhiệm cao của bộ phận đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thu, nhất là cán bộ uỷ nhiệm thu cấp phường, đã rất năng nổ nhiệt tình và có nhiều kinh nghiệm trong công tác thu.

### **2.2.3. Thực trạng công tác kiểm tra, quyết toán thu NSNN tại quận Cẩm Lệ trong thời gian qua**

Đi đôi với việc làm thế nào để thực hiện tốt công tác quản lý thu NSNN một cách hiệu quả nhất, thì công tác thanh tra, kiểm tra việc thu NSNN được tiến hành thường xuyên và rất đều đặn. Ngoài những đợt kiểm tra theo định kỳ quận cùng với cơ quan hữu quan các cấp đã tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra đột xuất với mục đích kiểm tra việc chấp hành công tác thu hàng quý, năm, hướng dẫn và răn đe các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm, đặc biệt là trong công tác thu thuế còn rất nhiều phức tạp. Bên cạnh đó, qua công tác kiểm tra còn giúp cho các cơ quan chuyên môn đánh giá được thực trạng hiện tại cũng như những ưu, nhược điểm trong công tác quản lý và thu, chi NSNN thời gian qua, làm cơ sở tổng kết và có phương hướng khắc phục mặt hạn chế từ thực tiễn hiện tại.

#### ***Công tác kiểm tra tình hình thu, nộp thuế***

Xác định thuế là nguồn thu chính của ngân sách quận nên những năm qua Quận ủy, UBND quận đã tập trung chỉ đạo quyết liệt đối với công tác thu ngân sách nói chung mà nhất là công tác thu thuế. Do vậy công tác tăng cường kiểm tra quản lý thu thuế đã đạt những kết quả to lớn. Công tác tổ chức bộ máy quản lý thu thuế của quận không ngừng được củng cố và tăng cường, chất lượng đội ngũ cán bộ thuế đã có bước thay đổi rõ nét về trình độ năng

lực, phẩm chất đạo đức, góp phần quyết định đến việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách hàng năm được thành phố giao. Công tác quản lý thu thuế đã chuyển biến theo hướng tích cực, công khai, dân chủ, minh bạch, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế của cá nhân và doanh nghiệp ngày càng được nâng lên.

Thuế từ khu vực kinh tế NQD là khoản thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu thuế của quận và cũng là nội dung trọng tâm trong công tác quản lý thu thuế của Chi cục thuế quận. Nhận thức rõ điều này, Chi cục thuế cùng các cơ quan liên quan đã thường xuyên, kịp thời tham mưu cho UBND quận ban hành các văn bản tập trung vào việc đề ra các biện pháp để hoàn thành dự toán thu được giao, tăng cường các biện pháp nghiệp vụ trong công tác thuế. Trong đó, tập trung vào việc thu đúng, thu đủ và chống thất thu, sót hộ, gian lận thương mại, không chấp hành các quy định của pháp luật về thu thuế, nợ đọng dây dưa về thuế. Bên cạnh đó, việc tìm ra các giải pháp để quản lý các khoản thu có hiệu quả, đảm bảo công bằng, khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh, nâng cao hiệu quả, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn quận cũng là vấn đề rất được quan tâm đề ra.

Đối với khu vực hộ cá thể, Chi cục thuế quận cùng với các phường, Ban quản lý các chợ đã tăng cường quản lý hộ, nắm nguồn thu mới phát sinh, tập trung đôn đốc thu thuế môn bài ngay trong tháng 1 hàng năm. Tập trung kiểm tra thực tế điều chỉnh mức doanh thu cho 687 hộ với số thuế tăng 127 triệu đồng, vào tháng 7/2009 tiếp tục khảo sát điều chỉnh tăng 774 hộ trong đó chú ý dịch vụ internet và khám chữa bệnh tăng thuế 133 triệu đồng. Từ đó, vượt chỉ tiêu kế hoạch thành phố giao. Một thực tế cho thấy việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thông thoáng đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh nhất là hộ cá thể. Đặt biệt là lĩnh vực kinh doanh



ăn uống nhưng việc phát triển này thiếu ổn định. Việc ra kinh doanh, ngừng nghỉ, tạm nghỉ kinh doanh diễn ra tùy tiện. Việc nghỉ kinh doanh địa bàn này ra kinh doanh địa bàn khác không khai báo cơ quan thuế làm cho công tác quản lý gặp nhiều khó khăn gây thất thu còn lớn cho NSNN.

Thu từ các doanh nghiệp NQD và các cơ sở nộp thuế tự kê khai chiếm đến 80% tổng số thuế NQD thu được, qua đó cho thấy, việc quản lý thu thuế tốt đối với các đối tượng này là vấn đề quyết định cho việc hoàn thành kế hoạch thuế ngoài quốc doanh của quận hàng năm. Trong tổng số doanh nghiệp Chi cục thuế đang quản lý, chỉ có khoảng trên 400 doanh nghiệp hoạt động thường xuyên có nộp thuế còn lại là hoạt động kém hiệu quả, thường xuyên không có thuế và âm thuế giá trị gia tăng. Tình trạng ghi chép sổ sách mang tính đối phó để trốn thuế ở nhiều doanh nghiệp còn diễn ra phổ biến. Để khắc phục những tồn tại này, Chi cục thuế đã thường xuyên tổ chức kiểm tra hàng tồn kho (năm 2007 kiểm tra 338 lượt, vi phạm 107 cơ sở; năm 2008 kiểm tra 75 lượt vi phạm 68 cơ sở; năm 2009 kiểm tra 100 cơ sở, vi phạm 23 cơ sở).

Đối với những cơ sở vi phạm ngoài việc xử phạt hành chính, cơ quan thuế còn tiến hành ấn định thuế, nhằm tác động tích cực đến việc ghi chép sổ sách, kê khai thuế, chống tình trạng ghi sổ kiểu đối phó, nhằm trốn thuế. Bên cạnh công tác kiểm tra đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức đối thoại theo chuyên đề phù hợp với loại hình tính chất SXKD của doanh nghiệp. Trong năm tổ chức tập huấn 2 đợt, tổ chức tư vấn, giải đáp thắc mắc bằng biên bản, đối thoại trực tiếp cho hàng trăm đối tượng kinh doanh, doanh nghiệp.

Chi cục thuế Cẩm Lệ đã tổ chức tập huấn những kiến thức cơ bản về thuế, quy trình quản lý hộ kinh doanh cá thể, biện pháp khai thác nguồn thu mới, đôn đốc thu nợ... cho lực lượng làm công tác ủy nhiệm thu ở phường và Ban quản lý các chợ. Nhờ đó, công tác ủy nhiệm thu đã mang lại nhiều kết

quả. Cụ thể số thuế NQD năm 2008 thu được là 21.989 triệu đồng (chiếm 47% số thu được từ sản xuất kinh doanh của toàn chi cục).

**Bảng 2.14: Báo cáo thực hiện các biện pháp quản lý – cưỡng chế nợ**

*Đvt: Triệu đồng.*

TT	CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN	2006	2007	2008	2009	2010	Ghi chú
<b>1</b>	Xử lý văn bản, công văn						
	<i>Trong đó: - Gia hạn nộp thuế</i>						
	<i>- Xác nhận nợ thuế</i>						
	<i>- Giải đáp thắc mắc</i>						
	<i>- Khác</i>						
<b>2</b>	Thông báo số tiền nợ, tiền phạt	1.421	2.474	1.869	2.007	1.256	
	<i>Trong đó: Cho thuê nhà</i>	195	382	217	154	34	
	<i>lĩnh vực xây dựng</i>	386	386	415	683	343	
	<i>lĩnh vực vận tải</i>	170	394	394	197	86	
	<i>nợ hóa đơn</i>	239	674	674	790	610	
	<i>vi phạm hành chính</i>	431	638	169	183	183	
<b>3</b>	Lập giấy mời làm việc						
<b>4</b>	Yêu cầu cung cấp số hiệu, sổ dư tài khoản						
<b>5</b>	Cưỡng chế, phong toả TK Ngân hàng	538	1.004	1.326	726	335	
	<i>Trong đó: - Quyết định cưỡng chế</i>	538	1.004	1.326	726	335	
	<i>- Lệnh thu qua Ngân hàng</i>	0	0	0	0	0	
<b>6</b>	Điều chỉnh thứ tự thu nợ thuế, tiền phạt chậm nộp	0	0	0	0	0	
<b>7</b>	Công văn thu hồi Thông báo						
<b>8</b>	Công văn thay thế Thông báo						
<b>9</b>	Điều chỉnh nợ tiền thuế, tiền phạt						
	<i>Trong đó - Tăng nợ</i>						
	<i>- Giảm nợ</i>						
<b>10</b>	Biện pháp khác						

*(Nguồn: BC tình hình truy thu và cưỡng chế của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ)*

Ngoài kết quả kiểm tra hàng tồn kho, kiểm tra quyết toán thuế đã nêu ở trên, Chi cục thuế quận đã đẩy mạnh công tác chống thất thu. Trong năm 2008 thu được: 1.869 triệu đồng, trong đó: truy thu xây dựng tư nhân 415 triệu đồng, vận tải tư nhân 394 triệu, cho thuê nhà 217 triệu đồng, truy thu hóa đơn 674 triệu đồng, truy thu các quyết định xử lý vi phạm hành chính 169 triệu đồng... xử lý tình trạng nợ đọng này Chi cục thuế quận đã thực hiện thông báo đến các doanh nghiệp và ra quyết định cưỡng chế phong tỏa ngân hàng 1.326 triệu đồng. Trong năm 2009, Chi cục thuế tiến hành kiểm tra thường xuyên 379 lượt hộ ngừng, nghỉ kinh doanh phát hiện xử lý, truy thu và phạt thuế 204 triệu đồng; kiểm tra và đề nghị hoàn thuế cho 59 doanh nghiệp với số tiền là 541 triệu đồng; kiểm tra chống thất thu ở 76 doanh nghiệp tư nhân xử lý và truy thu 255 triệu đồng; kết hợp với UBND các phường tổ chức cưỡng chế hành chính 23 hộ kinh doanh dấy nợ thuế với số tiền 226 triệu đồng; kết hợp đội quản lý thị trường xử lý 12 vụ kinh doanh trốn thuế, xử lý và truy thu 23,5 triệu đồng. năm 2010 tuy hạn chế được tình trạng nợ đọng thuế nhưng còn diễn ra... ngoài ra chi cục thuế quận đã tổ chức quản lý thu theo định mức chủ yếu theo từng loại hình SXKD, cách làm này đã mang lại hiệu quả cao.

Ngoài ra, Chi cục thuế luôn chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhất là trong điều kiện các doanh nghiệp chuyển dần sang hình thức tự khai tự nộp tự chịu trách nhiệm. Đây là biện pháp quan trọng để một mặt chống thất thu, vi phạm luật thuế, mặt khác để chấn chỉnh uốn nắn các doanh nghiệp trong công tác ghi chép sổ sách kế toán, sử dụng hóa đơn chứng từ theo đúng chế độ quy định.

#### ***Công tác kiểm tra về tình hình thu phí, lệ phí và thu khác***

Mặc dù, chiếm tỷ trọng không lớn trong thu ngân sách quận nhưng khoản thu phí, lệ phí đã góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương. Nội

dung kiểm tra việc thu phí, lệ phí căn cứ vào danh mục phí, lệ phí ban hành của Chính phủ, cũng như một số loại phí, lệ phí được phân cấp cho thành phố ban hành. Các đơn vị được giao thu phí, lệ phí chủ yếu là các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, Ban quản lý các chợ, các trường thuộc phòng Giáo dục, phòng Quản lý đô thị, phòng Tài nguyên môi trường, phòng Tư pháp, UBND các phường...

Công tác thanh tra, kiểm tra phí, lệ phí thường xuyên được chú trọng. Nhìn chung các đơn vị đã tổ chức thực hiện công tác thu phí, lệ phí tương đối tốt, hoàn thành dự toán thu được giao và quyết toán kịp thời với cơ quan chủ quản. Công tác ghi thu, ghi chi các khoản phí, lệ phí, thu khác ngân sách... được để lại đơn vị hay quản lý chi qua ngân sách được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Qua thanh tra, kiểm toán định kỳ chưa phát hiện cơ quan, đơn vị nào tự ý đặt ra các khoản phí, lệ phí ngoài quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác kiểm tra, kiểm soát hệ thống quản lý thu NSNN, cơ quan chức năng cũng phát hiện nhiều khoản thu còn hoạch toán chưa đúng với quy định nhà nước, một số đơn vị có thu vẫn chưa nắm hết được tính chất thu và còn để ngoài sổ sách. Nguyên nhân chủ yếu là do đơn vị chưa hiểu hết được và quy định từ trước. Qua đó, cơ quan kiểm tra cũng đã nhắc nhở rút kinh nghiệm và hướng dẫn các đơn vị thu đúng theo quy định nhà nước.

Tuy nhiên, qua những kết quả đạt được ta thấy vẫn còn nhiều mặt hạn chế trong công tác kiểm tra, kiểm soát do nhiều nguyên nhân như hạn chế về nguồn nhân lực ảnh hưởng đến chất lượng nghiệp vụ, số lượng con người còn thiếu, thiếu kinh phí hoạt động cũng như thời gian tham gia các đợt thanh tra, kiểm tra hằng năm.

### 2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ VỀ QUẢN LÝ THU NSNN TRONG THỜI GIAN QUA

**Thứ nhất**, công tác kế hoạch hoá nguồn thu vẫn chưa được coi trọng đúng mức. Đây là một trong những hạn chế lớn hiện nay về công tác quản lý thu ngân sách quận. Cơ quan quản lý thu ngân sách chưa hoạch định hết các nguồn thu để từ đó có biện pháp quản lý và thu đúng, thu đủ, đảm bảo công bằng. Hạn chế này thể hiện ở chỗ chưa nắm chắc được khả năng nguồn thu trên địa bàn bao gồm các nguồn thu đã có, nguồn thu sẽ phát sinh để từ đó có biện pháp đa dạng hóa các nguồn thu. Đối với nguồn thu chính là thuế NQD do không có kế hoạch hóa nguồn thu đối với khu vực này cho nên thiếu cơ sở để xây dựng các biện pháp quản lý nhằm thu đúng, thu đủ. Ngoài ra, do chưa có chiến lược phát triển nguồn thu nên buộc phải tập trung quản lý thu đối với các đơn vị doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã có với mức thuế tương đối cao để nhằm đạt được dự toán được giao.

**Thứ hai**, công tác xây dựng dự toán thu ngân sách chưa có cơ sở vững chắc, đôi khi còn mang yếu tố chủ quan, cảm tính. Dự toán thu là cơ sở để điều hành, quản lý thu ngân sách nhưng chưa được xây dựng một cách có hiệu quả khoa học, thường tham khảo số kiểm tra của Sở Tài chính thành phố và tình hình thu ngân sách năm hiện hành, dự ước khả năng phát triển KT-XH của năm kế hoạch để đề ra dự toán thu (tuy nhiên số kiểm tra của Sở Tài chính thường cũng dựa trên số kiểm tra của Bộ Tài chính mà thông báo cho các quận, huyện, phường, xã, thành phố và tỉnh). Tuy nhiên trong thực tiễn xây dựng dự toán thường dựa vào yếu tố chủ quan, kinh nghiệm. Điều này cũng xuất phát từ nguyên nhân công tác kế hoạch hóa nguồn thu còn yếu, ngoài ra còn có nguyên nhân khách quan là thường bị áp đặt của cơ quan cấp trên về số thu ngân sách nhất là thu thuế từ khu vực kinh tế NQD.

**Thứ ba,** tốc độ áp dụng các thành tựu công nghệ thông tin trong quản lý mặc dù thường xuyên được cải tiến nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu của xã hội, trình độ năng lực cán bộ làm công tác tin học chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, do đó hiệu quả công tác tin học chưa cao, còn tốn nhiều thời gian công sức, ảnh hưởng đến công tác khác. Công tác thu thập, hệ thống hóa và xử lý thông tin chưa theo kịp yêu cầu phát triển, các dữ liệu về lịch sử doanh nghiệp, về các mối quan hệ chủ yếu của doanh nghiệp, tình hình chấp hành pháp luật, nhân thân của doanh nghiệp chưa được cập nhật thường xuyên...

**Thứ tư,** tình trạng thất thu thuế, sót hộ, nợ đọng thuế, dây dưa, gian lận thương mại còn phổ biến. Đây là một trong những yếu kém mà nhiều năm nay ngành thuế vẫn chưa khắc phục được. Mặc dù tổng số thu hàng năm đều vượt so với dự toán được giao nhưng trong đó rất nhiều loại thuế còn thất thu lớn. Tình trạng thất thu về thuế được phân tích cụ thể như:

+ Thất thu về thuế NQD là khoản thất thu rất lớn từ 25 - 30%, tập trung vào các đối tượng kinh doanh nhỏ, lĩnh vực ăn uống, dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn. Mặt khác, các doanh nghiệp NQD còn có thủ đoạn mua bán hóa đơn kê, khai khống chứng từ, lập hồ sơ giả để nhằm mục đích được hưởng các khoản hoàn thuế. Theo báo cáo cục thuế thành phố Đà Nẵng trên địa bàn quận Cẩm Lệ trong thời gian 2 năm (2006-2007) đã có hơn 30 doanh nghiệp lớn và hàng chục doanh nghiệp nhỏ làm thủ tục xin hoàn thuế, nhưng không đúng thực chất làm thất thoát nguồn thu gần 10 tỷ đồng.

+ Hiện nay, có hơn 900 đơn vị tổ chức, cá nhân trên địa bàn quận thường xuyên sử dụng ấn chi thuế và hàng ngàn lượt hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn lẻ. Nhưng đơn vị nghiêm túc thực hiện chiếm tỷ lệ 82% và số đơn vị đã để mất hoá đơn, cơ quan thuế đã xử lý chiếm 5%. Điều này cho thấy nhiều đơn vị đã tìm mọi cách để trốn thuế mà ngành thuế khó có thể kiểm soát được.

+ Việc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp đã dùng nhiều hình thức, thủ đoạn để giảm lợi nhuận nhằm giảm thuế phải nộp. Nhiều doanh nghiệp đã khai báo không cụ thể và chính xác, dẫn đến việc thu thuế đối với các doanh nghiệp này đạt tỷ lệ còn thấp (trong 4 năm qua có hơn 30% doanh nghiệp không đạt kế hoạch số thuế phải nộp). Đối với những doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn ngoài thành phố việc khai báo nộp thuế của các đối tượng chưa được kê khai cụ thể, dẫn đến việc nắm nguồn thu chưa chắc chắn và còn bỏ sót.

+ Đặc biệt là hoạt động mua bán, chuyển nhượng nhà đất, thuế thu nhập, thuế đánh vào các hoạt động xây dựng tỷ lệ thất thu còn lớn và trên thực tế không kiểm soát được.

Tình trạng sót hộ là phổ biến nhất là đối với hộ kinh doanh cá thể, số lượng hộ kinh doanh Chi cục thuế quản lý thu thuế thường thấp hơn so với báo cáo của cơ quan đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể còn dùng nhiều thủ đoạn như thường xuyên thay đổi địa điểm kinh doanh, thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để được giảm mức thuế. Ngoài ra, tình trạng gian lận thương mại, khai giảm doanh thu để trốn thuế diễn ra hết sức phức tạp đôi khi diễn ra vượt quá khả năng kiểm soát của ngành thuế.

- Cán bộ thu chưa thật sự am hiểu chuyên môn nghiệp vụ, quản lý hộ thiếu liên tục, không sát thực tế, việc theo dõi kết quả thu nộp tiền thuế, theo dõi nợ, báo cáo số liệu chưa chính xác, quản lý hộ mới chưa kịp thời còn để sót hộ, ngược lại có nơi có hiện tượng lạm thu đối với hộ kinh doanh có thu nhập thấp, công tác quản lý sử dụng, thanh toán ấn chỉ thuế còn sai sót.

### CHƯƠNG 3

## HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ

### 3.1. CĂN CỨ CỦA CÁC GIẢI PHÁP

#### 3.1.1. Căn cứ nguồn lực phát triển KT-XH của quận trong thời gian tới

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 Cẩm Lệ trở thành quận phát triển khá của thành phố Đà Nẵng với GDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung của Thành phố Đà Nẵng và của cả nước, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch vụ theo hướng “Công nghiệp - Dịch vụ - Nông Nghiệp” và tiến tới cơ cấu “Dịch vụ - Công nghiệp – Nông nghiệp”, có kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại I. Ngày 23/9/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 7287/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Cẩm Lệ đến năm 2020. Đây là văn bản pháp lý quan trọng để quận xây dựng các chương trình phát triển KT-XH, các dự án quy hoạch đầu tư cho từng giai đoạn theo định hướng đã đề ra.

#### **Xây dựng các mục tiêu cụ thể:**

Về kinh tế: tăng trưởng bình quân 13-14% (giai đoạn 2011-2015), 15-16% (2016-2020). Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp đến năm 2015 là: 48,1%-51,1%-0,8% đến năm 2020 là: 44,8%-54,9%-0,3%. Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tăng bình quân 25-26% (2010-2020). Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2015 đạt 1.900-2.000USD đến năm 2020 đạt 3.000-3.500USD.

Về xã hội: hàng năm giải quyết việc làm cho 1.500 - 2.000 người, duy trì tỉ suất sinh dưới 1%/năm giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi dưới



5% vào năm 2020, đến năm 2020 phấn đấu 80% trường THPT, 70% trường THCS và 20% trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo khoảng 90% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT.

Về môi trường: xây dựng quận trở thành “Quận môi trường” vào năm 2020, đến năm 2015 có 100% dân số nội thành và 90% dân số vùng nông thôn được sử dụng nước sạch sinh hoạt tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn 100% (năm 2015) và trên 95% chất thải rắn được tái chế (năm 2020), có 100% nước thải công nghiệp và sinh hoạt được xử lý (năm 2020) diện tích không gian cây xanh đô thị đạt 9-10m<sup>2</sup>/người (năm 2020).

### **Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực**

*Ngành Công nghiệp - Xây dựng:* cần đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp - xây dựng với mức tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 13% (giai đoạn 2011-2015) và 14% (2015-2020). Tập trung phát triển một số lĩnh vực công nghiệp có thế mạnh như: chế biến nông, lâm thủy sản công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, da giày, may mặc. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyên dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, giảm tỷ trọng công nghiệp khai thác. Cùng với thành phố xây dựng khu công Hoà Cẩm để sớm đưa vào khai thác.

*Ngành dịch vụ:* phấn đấu đến năm 2015 nền kinh tế chuyển sang cơ cấu “Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp” giai đoạn 2011-2015 tăng 14%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng 15%/năm. Đến năm 2015 ngành dịch vụ sẽ chi phối toàn bộ nền kinh tế quận.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đầu tư xây dựng siêu thị mini, cửa hàng phân phối, tự chọn, đại lý cấp 1, cửa hàng bán lẻ ở các trục đường lớn Nguyễn Hữu Thọ, Tôn Đức Thắng, Ông Ích Đường, Trường Chinh, đường ven sông Tuyên Sơn-Tuý Loan, Quốc lộ 14B..., trong các khu chợ, phố chợ Cẩm Lệ, Khu tái định cư có mật độ dân số đông.

Hình thành các loại hình du lịch văn hoá truyền thống như khai thác du lịch đối với các di tích: Nghĩa trũng Khuê Trung, Đài tưởng niệm Liệt sỹ Hoà Vang, các đình làng, khu Đô thị sinh thái Hoà Xuân, Khu Đảo nổi Khuê Trung...

- *Lĩnh vực Nông nghiệp*: xây dựng ngành nông nghiệp theo hướng đô thị, tăng cường ứng dụng Khoa học - Công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng để chuyển sang sản xuất các mặt hàng nông sản có giá trị cao phục vụ đô thị như: rau sạch, hoa, cây cảnh...

- *Phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực văn hoá - xã hội*:

+ *Giáo dục và Đào tạo*: tiếp tục mở rộng quy mô, đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, phát triển mạnh loại hình tự thực ở bậc học mầm non, trung học phổ thông và dạy nghề. Đến năm 2020 đảm bảo tối thiểu: 20% cháu trong độ tuổi ra nhà trẻ, trên 70% ra mẫu giáo, 100% học tiểu học, 100% học sinh bình thường hoàn thành chương trình tiểu học được vào bậc THCS, 95% tốt nghiệp THCS vào học THPT và học nghề.

+ *Y tế*: trẻ nặng dưới 2,5kg giảm 3% (năm 2010), dưới 1% (2020) trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm dưới 10% (2015), dưới 5% năm (2020) chiều cao trung bình của thanh niên trên 1,65m trở lên, tuổi thọ trung bình 75 tuổi, có 6-7 bác sĩ và 1 dược sĩ/10.000 dân, 100% Trạm Y tế phường đạt chuẩn quốc gia về y tế tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1% (2010) và 0,8% (năm 2020).

+ *Văn hoá - Thể thao*: đẩy mạnh thực hiện chương trình “Có nếp sống văn hoá văn minh đô thị” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Xây dựng thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, thực hiện xã hội hoá các hoạt động trên các lĩnh vực này.

+ *Các vấn đề xã hội khác*: giải quyết việc làm, chăm lo người có công với nước, xã hội hoá công tác đền ơn đáp nghĩa. Tích cực phòng, chống các tệ

nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội.

- *Phát triển cơ sở hạ tầng:*

+ *Phát triển giao thông vận tải:*

. Đường bộ: nâng cấp Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14B đạt tiêu chuẩn cấp 1, hoàn thiện tuyến đường ven sông Tuyên Sơn – Tuý Loan, xây dựng cầu vượt tại Dốc Vồng (Hoà Thọ Tây), nâng cấp các tuyến giao thông ở các phường Hoà Phát, Hoà An như: Tôn Đản, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Công Hoan... Xây dựng một số cầu: Hoà Xuân, Nguyễn Hữu Thọ, xây dựng đường vành đai, kè bờ sông Cẩm Lệ, sông Cổ Cò. Quy hoạch từng bước đầu tư mạng lưới giao thông đô thị hiện đại (trên cao và dưới mặt đất). thực hiện khớp nối cơ sở hạ tầng giao thông giữa phần quy hoạch chính trang với quy hoạch chung của thành phố.

. Đường hàng không: trong hành lang của phễu bay, công trình công cộng, công sở và tư nhân không được xây dựng quá 2 tầng, các công trình khác phải theo sự cho phép của cơ quan chức năng.

. Đường sắt: kiến nghị Trung ương sớm quy hoạch di dời đường sắt ra sát chân núi Phước Tường.

+ *Bưu chính viễn thông, cấp điện, cấp thoát nước*: Phần đầu đến năm 2020 đạt 100% các hộ dân được cung cấp đầy đủ các nhu cầu sinh hoạt đời sống hàng ngày. Sau năm 2010 bổ sung thêm 1 trạm biến áp 22KVA để phục vụ cho KCN Hoà Cẩm và cơ sở khác.

### **3.1.2. Xu hướng của nguồn thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ**

Sau hơn 5 năm kể từ ngày thành lập quận, việc được UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 là cơ sở pháp lý rất quan trọng, tạo điều kiện cho công tác quản lý và điều hành của quận theo định hướng đã đề ra, cũng là thách thức rất lớn để phần đầu xây dựng quận Cẩm Lệ giàu về kinh tế, phát triển về văn hoá và đảm bảo về an ninh trật tự trong thời gian đến, và giữ vững ổn

định chính trị quận.

Để làm được điều đó vốn đầu tư trên địa bàn quận Cẩm Lệ cần khoảng 5.600 tỷ đồng (2011-2015) và 11.900 tỷ đồng (2016-2020), xã hội hoá các nguồn vốn huy động, đặc biệt thu hút nguồn FDI (vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài), vay ODA để xây dựng cơ sở hạ tầng. Xác định trách nhiệm và quyền hạn của mình, quận đã tập trung xây dựng cơ chế tạo nguồn thu ổn định và bền vững, huy động trên tất cả mọi phương diện, mọi thành phần kinh tế - xã hội, các lĩnh vực hoạt động sản xuất - thương mại - dịch vụ - công nghiệp, từ đó có những định hướng rõ ràng cho công tác thu đạt chất lượng và đúng với khả năng của quận, cụ thể:

- Xây dựng tập trung thu thuế từ các thành phần kinh tế đạt 80-85% trên tổng thu ngân sách quận. đây là lĩnh vực có mức thu lớn chủ yếu cho ngân sách vừa tận dụng được sự đầu tư từ nguồn lực xã hội trong mục tiêu quy hoạch phát triển KT-XH đến năm 2020 của quận.

- Phát triển khả năng thu ngân sách ngoài thuế đạt 15-20% từ các nguồn thu phí, lệ phí và một phần thu khác dựa trên điều kiện hiện có và phát huy thế mạnh của quận để khai thác một cách có hiệu quả nhất.

- Ngoài ra, khuyến khích các khoản thu huy động đóng góp, thu viện trợ, kêu gọi đầu tư từ bên ngoài trên các lĩnh vực SX-TM-DV-CN cũng góp phần rất quan trọng trong các mục tiêu phát triển KT-XH quận.

### **3.1.3. Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp**

Quá trình phát triển đi lên của quận Cẩm Lệ trong những năm tới đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN của quận. Quản lý thu ngân sách phải góp phần tạo ra sự ổn định về kinh tế - xã hội trên địa bàn tạo lập, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, mở rộng đầu tư để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển KT-XH của quận đến năm 2020.

Việc hoàn thiện quản lý thu NSNN của quận Cẩm Lệ trong thời gian

tới cần dựa trên các quan điểm sau:

**Thứ nhất**, quản lý thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ phải dựa trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách phát triển KT-XH của Thành ủy, UBND thành phố, Quận ủy, UBND quận nhằm thực hiện tốt các mục tiêu phát triển KT-XH, phù hợp với trình độ phát triển của quận trong điều kiện kinh tế mở cửa, hội nhập trước những thách thức và cơ hội. Quan điểm này cần quán triệt theo hướng khai thác, quản lý nguồn thu một cách chặt chẽ nhưng đồng thời phải tạo điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn quận mở rộng SXKD. Cần động viên hợp lý ở mức cao nhất nguồn thu vào ngân sách để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện các chiến lược phát triển KT-XH, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời tạo động lực để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển SXKD. Vấn đề quan trọng nhất trong quản lý nguồn thu ở quận hiện nay và sắp đến là thu làm sao để đảm bảo thu đúng, thu đủ, đảm bảo công bằng, khuyến khích sản xuất phát triển. Không phải nguồn thu trên địa bàn quận tăng lên bao nhiêu phần trăm so với kế hoạch đề ra là lý tưởng mà quan trọng hơn là tăng cường quản lý thu như thế nào nhưng vẫn đảm bảo được mọi hoạt động SXKD trên địa bàn quận vẫn phát triển đó mới là hiệu quả của quản lý thu NSNN.

**Thứ hai**, đa dạng hóa nguồn thu tạo ra sự đóng góp của các thành phần kinh tế trên địa bàn làm cho nguồn thu ngày càng tăng lên, đảm bảo ổn định lâu dài. Khắc phục tình trạng hiện nay chỉ tập trung quản lý thu vào các lĩnh vực chủ yếu, chưa quan tâm đến các lĩnh vực liên quan khác. Đồng thời phải mở rộng nguồn thu trên địa bàn trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp. Quan điểm này cần quán triệt trên các khía cạnh sau:

+ Khuyến khích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự đa dạng về thành phần, ngành nghề kinh doanh nhằm tăng thu về cho ngân sách

quận. Mặc dù các lĩnh vực khác nguồn thu còn ít, nhưng phát triển thêm đối tượng nộp thuế thì tổng số nguồn thu sẽ tăng lên.

+ Coi trọng hơn các khoản thu ngoài thuế. Đây là khoản thu tuy nhỏ nhưng có sự đóng góp của nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài địa bàn.

**Thứ ba**, công tác quản lý thu ngân sách gắn liền với hoàn thiện bộ máy, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý thu ngân sách, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý thu ngân sách.

### **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

Trong những năm tới để tiếp tục động viên mọi nguồn thu cho ngân sách quận, cần đổi mới chính sách động viên nhằm giải phóng và khơi thông các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển kinh doanh, đẩy mạnh việc giải phóng các nguồn lực đặc biệt là đối với khu vực kinh tế NQD. Muốn vậy, trước hết phải thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, đồng thời các ngành chức năng trong hệ thống quản lý thu NSNN cần tích cực hơn nữa trong việc thực hiện chương trình cải cách, sắp xếp lại bộ máy, thực hiện theo cơ chế “một cửa” với mục tiêu giảm bớt thủ tục giấy tờ, công khai minh bạch về thủ tục, về quy trình thu, áp dụng nhiều biện pháp nhằm khai thác nguồn thu hợp lý, chống thất thu trong mọi lĩnh vực. Để nâng cao hiệu quả quản lý thu NSNN có hiệu quả cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

#### **3.2.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán thu ngân sách**

Đây là khâu rất quan trọng trước tiên để các ngành chức năng thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kt-xh, thực hiện tốt việc lập dự toán thu là nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác tăng cường quản lý thu NSNN. Để tạo môi trường phát triển kinh tế trên địa bàn góp phần tăng nguồn thu trước mắt và lâu dài cho ngân sách quận, cần tạo điều kiện để thành phần kinh tế đầu tư

vào SXKD nhiều hơn. Cho phép tất cả mọi người có vốn đều có quyền đầu tư phát triển kinh tế ở địa bàn quận. Môi trường KT-XH trên địa bàn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của khu vực này do tác động chi phối môi trường tâm lý, môi trường luật pháp và môi trường kinh tế. Vì vậy, để tạo môi trường kinh tế chính trị trên địa bàn cần có chính sách nhất quán cởi mở, xây dựng chiến lược trước mắt cũng như lâu dài mà nhất là nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu trên địa bàn quận.

Hiện nay công tác lập dự toán chi ở mức tăng tương đối so với kết quả thực hiện năm, năm 2010 dự toán thu là 98,7 tỷ đồng, kết quả năm 2010 là 129 tỷ đồng so với kết quả đạt được của năm 2009 là 86 tỷ đồng (không tính phần thu kết dư và thu chuyển nguồn), Kết quả thực hiện thu cân đối đạt 125-181% dự toán giao, trong đó công tác thu thuế đạt 147,3% dự toán giao. Phí, lệ phí và các khoản thu khác 162%-186,4%, tuy nhiên những chỉ tiêu trên cũng chỉ thể hiện kết quả tương đối, số thu thể hiện tăng qua hàng năm là do hoạt động sản xuất kinh doanh tăng chưa có sự đột biến, hầu hết vẫn là số lượng các doanh nghiệp tăng hàng năm không đáng kể. Cơ quan thuế cũng chỉ dựa trên thực tế trên địa bàn để tiến hành xây dựng dự toán thu. Do đó cần có định hướng trong vấn đề tạo nguồn thu.

#### ***Nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu trên địa bàn***

Việc lập dự toán thu ngân sách nhà nước không chỉ dừng lại ở việc khai thác nguồn thu hiện có mà phải bằng chính sách, nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu trên địa bàn; nhằm nuôi dưỡng các nguồn thu đã bị thu hẹp và mở rộng nguồn thu để không ngừng tăng nguồn thu trên địa bàn. Muốn vậy trong quá trình SXKD, các doanh nghiệp, hộ cá thể cần có sự hỗ trợ nhiều mặt của Nhà nước, chính quyền địa phương. Cần tạo môi trường phát triển kinh tế NQD, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về phát triển kinh tế nhiều thành phần và bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của mọi công dân là tiền đề cơ bản để

định hướng phát triển kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, để xác định phương hướng, mục tiêu, bước đi và các giải pháp cụ thể phải gắn liền với những điều kiện thực tế ở mỗi địa bàn. (minh họa là các dự án xây dựng các khu du lịch sinh thái Hòa Xuân, Khu đảo nổi... trong tương lai sẽ làm thu ngân sách quận tăng lên một cách đáng kể. Do đó cần phải đi đôi với việc tính được nguồn thu mới từ các dự án này).

Số thu ngân sách hiện nay chủ yếu tập trung ở 3/6 phường là Hòa An thu thuế đạt 23,3 tỷ đồng, Hòa Thọ Đông là 26,8 tỷ đồng và Khuê Trung 27,9 tỷ đồng. vẫn còn chưa tận dụng khai thác hết được ở các địa phương còn lại.

***Quy hoạch đồng bộ các chính sách trên nhiều lĩnh vực khác phù hợp với chính sách thu ngân sách quận***

Ngoài những chính sách xoay quanh vấn đề tạo nguồn thu, cũng cần đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác có liên quan như xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác quy hoạch phù hợp, khai thác tài nguyên có hiệu quả... tỷ lệ thuận với mở rộng nguồn thu mới, (ví dụ như: tuyến đường sắt bắc nam chia cắt địa giới quận Cẩm Lệ làm ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt, đi lại, môi trường hoạt động kinh doanh trên địa bàn đã không ít làm giảm nguồn thu của quận. vì vậy, việc di dời tuyến đường sắt ra khỏi địa bàn sẽ tạo ra hệ liên kết giao thông trên địa bàn thông suốt, từ đó phát triển cơ sở hạ tầng, khai thác nguồn thu sẽ tăng rất đáng kể từ các thành phần kinh tế đem lại). Kinh nghiệm từ quận Hải Châu cho thấy khả năng thu đem lại từ các thành phần kinh tế là rất lớn.

Do đó sự quan tâm đầu tư về kết cấu hạ tầng là điều kiện quyết định cho sản xuất phát triển. Với sự lãnh đạo của chính quyền địa phương trong xây dựng chương trình phát triển kinh tế của quận trong giai đoạn 2011-2015. Chú trọng công tác qui hoạch, nhằm mở ra thể chủ động của địa phương trong công tác kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực giao thông, các chợ



đầu mối, hệ thống trường học, phát triển mạnh các trung tâm văn hoá- thể dục thể thao, đào tạo nghề từ các nguồn vốn của Trung ương, thành phố, các tổ chức và các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn.

### ***Chi thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách***

Chúng ta cũng cần lập dự toán chi cho công tác thu ngân sách là vấn đề cần được quan tâm hơn, nội dung này hiện nay ngân sách đã được thực hiện những chưa được quan tâm đầu tư đúng mức do một phần về hạn chế trong cơ chế quản lý và thẩm quyền phân cấp ngân sách (mặc dù đã có quy định về tỷ lệ và mức được trích % cho công tác đi thu).

Hiện nay công tác lập dự toán chưa chi thực hiện thu ngân sách một cách cụ thể mà chỉ dựa trên số thu đạt vượt dự toán để trích thưởng cho các đơn vị thu. Đây cũng là cách các đơn vị xây dựng dự toán thấp nhằm hưởng phần thưởng vượt thu đem lại.

### **3.2.2. Hoàn thiện công tác chấp hành thu ngân sách**

Công tác thực hiện cần xuyên suốt và đều đặn, từ khâu xây dựng dự toán đến thực hiện thu ngân sách một cách vững chắc, có hệ thống làm cơ sở để điều hành, thực hiện thu ngân sách một cách có hiệu quả, khoa học. để làm được điều đó cần thực hiện:

#### ***Cải cách thủ tục hành chính trong công tác thu ngân sách***

Đổi mới cơ chế quản lý thu phải gắn liền với cải cách thủ tục hành chính để tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí chung của xã hội. Công tác cải cách hành chính trước mắt tập trung rà soát, cải tiến, đánh giá bổ sung hoàn thiện lại các quy trình quản lý hiện hành, nghiên cứu xây dựng thêm một số quy trình “một cửa điện tử” trong việc giải quyết các công việc để giảm chi phí cho người nộp và cho cả cơ quan thu.

***Thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu hiện có trên địa bàn quận***

Thực hiện việc thu đúng, thu đủ các nội dung thu vào ngân sách nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội, hạn chế được rủi ro do các khoản tồn nợ đọng, chậm trả, cố tình hoặc mất khả năng chi nộp thuế của các thành phần kinh tế. Tập trung vào các khoản thu lớn, có tính chất thường xuyên trong năm, tránh bỏ sót những khoản thu nhỏ lẻ ít phát sinh, đột xuất hoặc được bỏ qua do cơ chế kiểm soát mở. Những khoản nợ đọng kéo dài do các doanh nghiệp chậm nộp năm 2008 nợ đọng thuế là 11,5 tỷ đồng, năm 2009 là 17,7 tỷ đồng và năm 2010 là 13,3 tỷ đồng.

***Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự phối hợp giữa các ban ngành thường xuyên, liên tục, quyết liệt trong quá trình quản lý thu một cách chặt chẽ, thật triệt để.***

Thời gian qua, Quận ủy, UBND quận đã dành nhiều công sức để lãnh đạo công tác quản lý thu, đã mang lại kết quả to lớn, Quận luôn hoàn thành kế hoạch được giao, tuy nhiên kết quả đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của Quận. Vấn đề đặt ra trong công tác quản lý thu trong thời gian tới đó là phải tăng cường sự lãnh đạo của Quận ủy, UBND quận đối với ngành, xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa các ngành có liên quan và UBND các phường, nhất là trong lĩnh vực thuế.

***Tăng cường mối quan hệ phối hợp, kết nối thông tin giữa cơ quan tài chính, thuế, kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý ngân sách.***

Các cơ quan này có trách nhiệm phối kết hợp, cung cấp đầy đủ tin tức, thông tin lẫn nhau về tình hình thu ngân sách, quản lý, kiểm soát cũng như tình hình thu ngân sách hàng năm cho UBND và cơ quan Nhà nước cấp trên để tăng cường công tác kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các cơ quan trong nội bộ ngành tài chính để đảm bảo khớp đúng số liệu, phục vụ công tác lãnh đạo

của quận.

Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chung để kịp thời phát hiện các trường hợp gian lận, vi phạm về thu ngân sách, phục vụ công tác quản lý một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

#### ***Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý thu***

Đây là giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến thành công của công tác cải cách và hiện đại hóa quản lý hành chính, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Trong công tác quản lý thu vai trò của bộ máy trực tiếp quản lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Xuất phát từ thực trạng về trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quận hiện nay, việc xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp cao, có đủ năng lực nhất là kiến thức về kinh tế, tài chính để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thu trong thời kỳ mới là một vấn đề hết sức bức bách.

#### ***Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu***

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển của công nghệ thông tin đã mang lại những kết quả to lớn trên nhiều lĩnh vực, đối với công tác quản lý thu việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào công tác thu ngân sách là yêu cầu khách quan và cấp bách, điều này sẽ giúp chuyển quản lý thu theo dạng thủ công sang phương pháp quản lý hiện đại dựa trên việc thu thập, phân tích thông tin để áp dụng biện pháp quản lý cho phù hợp. Hiện nay việc quản lý thu của quận đã trở nên phổ biến nhưng hệ thống thông tin chưa ổn định, hay xảy ra sự cố gây trở ngại cho công tác quản lý. hệ thống kỹ thuật còn nhiều hạn chế như việc xảy ra ách tắc mạng hay mất kết nối mạng nội bộ.

### **3.2.3. Hoàn thiện công tác quyết toán thu ngân sách**

#### ***Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các khoản thu ngân sách***

Thành lập cơ chế tự kiểm tra, kiểm soát trong nội bộ đơn vị thông qua

tổ chức công đoàn, lập ủy ban kiểm tra nội bộ tại cơ quan có thu, qua đó nâng cao tính tự giác trong vấn đề công khai, minh bạch thực hiện và theo đúng quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền về chế độ. Bám sát phương án thu theo lĩnh vực ngành đã được cấp có thẩm quyền giao, tránh tình trạng tự thu, tự chi, tự hạch toán hoặc để ngoài sổ sách... làm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách và các tiêu cực trong công tác quản lý ngân sách.

Hiện nay công tác kiểm tra trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhờ triển khai hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp, cũng như các đơn vị có thu trên địa bàn nên công tác đối chiếu, kiểm soát số liệu tương đối dễ, các cơ quan kiểm tra có thể nhận thấy được hành vi hoạt động kinh doanh cũng như tính chính xác của các doanh nghiệp một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Tăng cường thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất khi nhận thấy có dấu hiệu sai lệch hoặc vi phạm trong quá trình thu nộp ngân sách, trong quá trình kiểm tra cần đề cao tính pháp luật, thực thi đúng pháp luật và tránh biểu hiện qua loa, hình thức, tiêu cực trong xử lý vi phạm.

### **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

#### **\* Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính**

**Thứ nhất**, cần nghiên cứu hoàn thiện chính sách nhà nước liên quan đến ngân sách. Trong quá trình hoàn thiện cần quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về đổi mới chính sách. Phải góp phần nâng hiệu quả thu ngân sách, tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế việc hoàn thiện chính sách thu phải nhằm thiết lập một hệ thống công bằng và hiệu quả, phải đơn giản, ổn định, minh bạch, công khai và có tính luật pháp cao.

**Thứ hai**, cần nghiên cứu sửa đổi luật NSNN phù hợp với giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế (Luật NSNN được ban hành từ năm 2003 và được áp

dụng đến nay). Theo quy định hiện nay về thời biểu tài chính đối với công tác quyết định, phân bổ, giao dự toán NSNN thì việc thực hiện các công tác này đối với cấp quận và cấp phường chỉ mang tính hình thức, không thực chất.

**Thứ ba**, cần nghiên cứu đổi mới phương pháp lập dự toán NSNN theo đầu vào như hiện nay sang lập dự toán NSNN theo kết quả đầu ra. Quản lý NSNN theo kết quả đầu ra được coi là công cụ để Nhà nước tập trung nguồn lực công vào nơi mang lại lợi ích cao nhất cho xã hội, giúp cải thiện chính sách công và góp phần tăng cường hiệu quả quản lý.

**Thứ tư**, cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế quản lý, hoạt động thu NSNN. Và cần phải được công khai trong quá trình lập, chấp hành và quyết toán. Điều này cho phép xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan tài chính, KBNN và đơn vị thụ hưởng. Phân định rõ trách nhiệm kiểm soát trong nội bộ ngành tài chính và xác định quy trình hợp lý quy trình kiểm soát.

**\* Đối với Thành ủy, HĐND và UBND thành phố**

**Thứ nhất**, Thành phố chỉ đạo các Sở Tài chính, Sở kế hoạch đầu tư, Cục thuế cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân cấp cho quận về ngân sách tương xứng với quy mô quận là trung tâm mới cửa ngõ phía nam. Cụ thể:

+ Trong phân cấp về ngân sách cần chú ý đến việc đẩy mạnh phân cấp nguồn thu để quận có cơ cấu nguồn thu bền vững, chủ động cân đối được ngân sách cho chi thường xuyên và dành phần thích đáng cho chi đầu tư phát triển. Tính toán tỷ lệ điều tiết ngân sách các cấp theo hướng đảm bảo toàn bộ khối phường tự cân đối được ngân sách, hạn chế tối đa trợ cấp cân đối bổ sung; tính toán phân cấp nguồn vốn đầu tư phải phù hợp với nhiệm vụ chi đầu tư cấp quận và cấp phường do HĐND thành phố ban hành.

**Thứ hai**, Thành phố sớm ban hành quy định về biểu thuế, phí suất nhằm thay thế cho các quy định hiện hành của thành phố không còn phù hợp sau khi Chính phủ ban hành các nghị định mới.

**Thứ ba,** UBND thành phố cần thực hiện nhất quán đẩy nhanh tiến độ đầu tư XDCCB, công tác quy hoạch trên địa bàn, di dời tuyến đường sắt, sân bay làm ảnh hưởng đến lưu thông và hoạt động sản xuất kinh doanh ra khỏi địa bàn quận.

**Thứ tư,** UBND thành phố ban hành quy chế phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo song trùng giữa chính quyền địa phương với ngành dọc trong quản lý thu ngân sách nhất là ngành thuế và kho bạc.

**\* Đối với Quận ủy, UBND quận Cẩm Lệ**

**Thứ nhất,** để tạo điều kiện thúc đẩy quận phát triển mạnh mẽ, vững chắc, trên cơ sở đó làm đầu tàu, tạo động lực cho sự phát triển chung của cả quận, kiến nghị Quận ủy sớm xây dựng và ban hành Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH của quận Cẩm Lệ đến năm 2020, đồng thời tập trung lãnh đạo UBND quận và các cơ quan chức năng nghiên cứu, xây dựng cho quận một số cơ chế, chính sách đặc thù, gắn với phân cấp trên các lĩnh vực, nhất là công tác quy hoạch, quản lý đô thị, du lịch, tạo điều kiện cho quận phát huy tính năng động, sáng tạo hơn trong quá trình thực hiện chiến lược tăng tốc phát triển hướng tới vị thế của một trung tâm thương mại mới của thành phố, trở thành trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung.

**Thứ hai,** UBND quận sớm kiến nghị thành phố phê duyệt điều chỉnh mức thu đối với một số khoản phí, lệ phí ban hành đã lâu nay không còn phù hợp, cũng như xem xét ban hành thêm một số khoản thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố để tăng nguồn thu ngoài thuế cho ngân sách quận, tạo thuận lợi cho việc thực hiện thu ngân sách có hiệu quả.

## KẾT LUẬN

Hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách nhà nước của quận Cẩm Lệ hiện nay là một yêu cầu cấp thiết có tính khách quan. Điều này không chỉ bắt nguồn từ mặt hạn chế trong quá trình thực hiện công tác này mà còn là sự đòi hỏi của các qui luật, Nghị quyết của Đảng và chính sách Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý ngân sách. Đây là một hoạt động quản lý có liên quan đến mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực, do vậy cần phải được quan tâm đúng mức. Bởi vì nó có ý nghĩa trên nhiều mặt, tác động, chi phối, quyết định trong phát triển KT-XH ở trên địa bàn quận và luôn gắn với trách nhiệm quản lý, lãnh đạo của Đảng bộ và UBND quận cho đến các phường và các cơ quan chức năng. Qua quá trình phân tích, luận giải, luận văn đã làm rõ và khắc họa những nét nổi bật sau:

- Khái quát một cách tương đối đầy đủ về cơ sở lý luận để làm nền tảng cho việc thực hiện quản lý thu ngân sách của quận. Đây không những là yêu cầu của thực tiễn của vấn đề đang đòi hỏi mà còn là mục tiêu, động lực để thúc đẩy quận phát triển toàn diện và ngày càng có hiệu quả cao hơn.

- Thực tiễn quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Cẩm Lệ đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết kịp thời, đòi hỏi các ngành chức năng đặc biệt là ngành tài chính phải đổi mới toàn diện mới có thể đáp ứng yêu cầu đặt ra trong công tác quản lý thu ngân sách ở trên địa bàn. Qua phân tích luận giải các mặt mạnh, mặt yếu về công tác quản lý thu ngân sách ở trên địa bàn và từ đó đề ra các giải pháp có tính khả thi nhằm thúc đẩy, khai thác mọi tiềm năng phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Đó chính là đòi hỏi và thách thức đối với quận nói chung và ngành tài chính nói riêng trong việc thực hiện chức năng của mình để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách làm cơ sở phát triển nguồn thu nhằm thực hiện các khoản chi có hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới

cơ chế quản lý kinh tế nói chung và quản lý thu ngân sách nói riêng.

- Thông qua thực hiện quản lý thu ngân sách trên địa bàn tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, giải phóng khả năng sản xuất, góp phần thúc đẩy việc tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, tăng cường hạch toán kinh doanh, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng tích lũy. Thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách sẽ phát huy được tiềm năng thế mạnh, khai thác các nguồn lực trên địa bàn quận có hiệu quả, tranh thủ vốn mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất kinh doanh có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách. Đồng thời thông qua công tác quản lý thu ngân sách để giúp cho quận thực hiện tốt chức năng của mình, nhất là việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và hỗ trợ người nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa người giàu và người nghèo.

Đề tài đã luận giải những vấn đề có tính cơ bản về vấn đề này từ đó tìm kiếm nguyên nhân khách quan và chủ quan về yếu kém của công tác nói trên để làm cơ sở đề ra các giải pháp có tính thực thi. Đây là cơ sở về lý luận và thực tiễn về vấn đề quản lý thu ngân sách trên địa bàn. sẽ giúp cho quận có những quyết sách và biện pháp có hiệu quả hơn.

Để thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách có hiệu quả đòi hỏi phải thực hiện tổng hợp các giải pháp ở tầm vĩ mô và vi mô. Sự lãnh đạo chi đạo của UBND thành phố, các cấp, các ngành chức năng, các tổ chức CT-XH từ thành phố cho đến xã phường cần phải quan tâm đúng mức công tác này coi công tác này là trách nhiệm, là nhiệm vụ trọng tâm của mình chứ không riêng gì các cơ quan tài chính.

Mặt dù đã có những cố gắng nhưng không thể tránh khỏi những hạn chế, kính mong các thầy, cô trong Hội đồng chỉ dẫn, các bạn đồng nghiệp góp ý để luận văn này tiếp tục hoàn thiện có hiệu quả cao hơn có giá trị áp dụng vào công tác quản lý thu ngân sách ở địa phương./.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật ngân sách sửa đổi*.
2. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi bổ sung năm 2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2003*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
4. *Giáo trình thuế Nhà nước* (2002), Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. *Giáo trình Quản trị học* (1999), Nxb Tài chính Hà Nội.
6. P. E.Taylor (1961), *Tài chính công*, bản dịch của Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh.
7. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Chỉ thị số 19/2002/CT-TTg ngày 13/9/2002 về tăng cường công tác quản lý thuế giá trị gia tăng*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chỉ thị số 15/2005/CT-TTg ngày 15/4/2005 về các biện pháp xử lý nợ đọng và chống thất thu ngân sách*.
9. Tổng Cục thuế (2002), *Chỉ thị số 01/TCT/CT/NV6 ngày 23/4/2002 của Tổng cục trưởng về tăng cường các biện pháp quản lý thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh*.
10. Võ Xuân Tiến (2000), *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho các công trình công cộng ở Thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí Sinh hoạt lí luận.
11. Võ Xuân Tiến (2000), *Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
12. Nguyễn Sinh Hùng (2005), “Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trong tiến trình cải cách tài chính công”, *Tạp chí Cộng sản*.
13. Tào Hữu Phùng (2006), “Về định hướng và giải pháp công tác Tài chính ngân sách - Ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 -2010”, *Tạp chí Cộng sản*.

14. Nguyễn Hữu Lực (2005), *Thuế thu nhập cá nhân và hoàn thiện thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Đặng Hữu Pháp (2002), “*Quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân sách theo luật Ngân sách nhà nước*”.
16. Lê Chi Mai (2003), “Tăng cường cải cách tài chính công nhằm thúc đẩy cải cách hành chính”, *Quản lý Nhà nước*.
17. Chi Cục thuế quận Cẩm Lệ, *Báo cáo tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ công tác thuế năm 2006 và 5 năm 2006-2010*.
18. Trần Thị Ty (2003), *Quản lý tài chính công*, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Nguyễn Đình Tùng (2005), “Phân định chức năng nhiệm vụ quản lý tài chính nhà nước giữa trung ương và địa phương”. *Nghiên cứu tài chính kế toán*.
20. Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
21. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (1997), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
22. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (1997), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
23. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2003), *Giáo trình Thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2000), *Giáo trình về quản lý ngân sách*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Phan Thu Cúc (2002), *Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp hưởng thụ nguồn ngân sách nhà nước*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

25. Phạm Đức Hồng (2002), *Hoàn thiện cơ chế phân cấp ngân sách của các cấp chính quyền địa phương ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Tài chính – Kế toán, Hà Nội.
26. Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, *Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Cẩm Lệ*.
27. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, *Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Đà Nẵng*.
28. Ủy ban nhân dân Quận Cẩm Lệ, *Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách quận Cẩm Lệ (2006 đến 2010)*.
29. Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, *Báo cáo tổng kết 5 năm (2006-2010)*.
30. Đảng bộ Quận ủy Cẩm Lệ, *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận ủy Cẩm Lệ lần thứ I*.
31. Phòng Thống kê quận Cẩm Lệ, *Niên giám thống kê quận Cẩm Lệ (2005-2009)*.
32. Website của Chính phủ: <http://www.chinhphu.vn>
33. Website của Bộ Tài chính: <http://www.mof.gov.vn>
34. Website của UBND TP Đà Nẵng: <http://www.danang.gov.vn>
35. Website của UBND quận Cẩm Lệ: <http://www.camle.gov.vn>
36. Website của Tổng cục Thuế: <http://www.gdt.gov.vn>

